

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC

NGUYỄN THỊ THU THỦY

**THỰC TRẠNG NGÔN NGỮ THỂ HIỆN
XÚC CẢM – TÌNH CẢM CỦA TRẺ MẪU GIÁO NHỖ
THÔNG QUA TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI THEO CHỦ ĐỀ**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Chuyên ngành: Tâm lí học

Người hướng dẫn khoa học

Th.S Lê Thanh Hà

HÀ NỘI, 2014

LỜI CẢM ƠN

Bằng lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc, em xin chân thành cảm ơn các thầy cô trong khoa Giáo dục Tiểu học trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 đã giúp đỡ, tạo điều kiện để em hoàn thành khóa luận. Đặc biệt, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc của mình tới thầy giáo – Th.S Lê Thanh Hà – Giảng viên tổ Tâm lí – Giáo dục trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, người đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo, giúp đỡ em trong quá trình hoàn thành khóa luận.

Em xin chân thành cảm ơn Ban giám hiệu nhà trường, các cô giáo trong trường và đặc biệt là các cô giáo cùng với các cháu tại lớp mẫu giáo B1 trường mầm non Sao Mai – Đông Anh – Hà Nội đã tạo điều kiện thuận lợi, giúp đỡ em trong quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài.

Do lần đầu làm quen với công tác nghiên cứu hóa học, hơn nữa do thời gian nghiên cứu và vốn kiến thức, kinh nghiệm bản thân còn hạn chế nên đề tài không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự đóng góp ý kiến của quý thầy cô và các bạn sinh viên để đề tài của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, tháng 4 năm 2014

Sinh viên

Nguyễn Thị Thu Thủy

LỜI CAM ĐOAN

Để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này, ngoài sự nỗ lực của bản thân, em đã nhận được sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Lê Thanh Hà cùng với sự giúp đỡ của các thầy cô trong khoa.

Trong quá trình nghiên cứu khóa luận, em đã đọc những tài liệu có liên quan đến những vấn đề trong đề tài của mình. Em xin cam đoan đề tài: *“Thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo nhờ thông qua trò chơi đóng vai theo chủ đề”* không có sự trùng lặp cũng như sao chép kết quả của các đề tài khác.

Hà Nội, tháng 4 năm 2014

Sinh viên

Nguyễn Thị Thu Thủy

CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN VĂN

ĐVTCD	: Đóng vai theo chủ đề
PH	: Phù hợp
Lúc PH lúc KPH	: Lúc phù hợp lúc không phù hợp
KPH	: Không phù hợp
XC – TC	: Xúc cảm – tình cảm

DANH MỤC CÁC BẢNG

- Bảng 1: Kết quả tìm hiểu thực trạng việc lập kế hoạch tổ chức trò chơi ĐVTCD của giáo viên trường Mầm non Sao Mai.
- Bảng 2: Bảng kết quả tìm hiểu thực trạng tích lũy kinh nghiệm của giáo viên làm sống lại kinh nghiệm của trẻ trong trò chơi.
- Bảng 3: Kết quả tìm hiểu thực trạng quy trình tổ chức hướng dẫn trẻ chơi trong trò chơi ĐVTCD.
- Bảng 4: Kết quả tìm hiểu thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Bảng 5: Kết quả tìm hiểu thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề so sánh theo từng tiêu chí.
- Bảng 6: Kết quả tìm hiểu thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề so sánh theo giới tính.

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài.....	1
II. Mục đích nghiên cứu.....	2
III. Khách thể và đối tượng nghiên cứu.....	2
IV. Giả thuyết khoa học.....	2
V. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	2
VI. Phương pháp nghiên cứu.....	3
VII. Giới hạn nghiên cứu	3
PHẦN NỘI DUNG	4
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN	4
1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề	4
1.2. Một số vấn đề lí luận về ngôn ngữ và sự hình thành, phát triển ngôn ngữ của trẻ mẫu giáo	5
1.2.1. Khái niệm ngôn ngữ.....	5
1.2.2. Khái niệm ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm.....	5
1.2.3. Chức năng của ngôn ngữ.....	6
1.2.4. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi.....	7
1.3. Một số vấn đề lí luận về xúc cảm – tình cảm và đặc điểm xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi	7
1.3.1. Khái niệm xúc cảm – tình cảm.....	7
1.3.2. Các phương tiện biểu hiện xúc cảm – tình cảm.....	8
1.3.3. Đặc điểm xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi.....	9
1.4. Trò chơi đóng vai theo chủ đề và ý nghĩa của nó đối với sự phát triển ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi ..	11

1.4.1. Khái niệm trò chơi đóng vai theo chủ đề và đặc điểm của trò chơi đóng vai theo chủ đề.....	11
1.4.2. Cấu trúc của trò chơi đóng vai theo chủ đề.....	14
1.4.3. Vai trò của trò chơi đóng vai theo chủ đề.....	15
1.4.4. Ý nghĩa của trò chơi đóng vai theo chủ đề đối với sự phát triển ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi.....	16
CHƯƠNG 2: NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG NGÔN NGỮ THỂ HIỆN XÚC CẢM – TÌNH CẢM CỦA TRẺ MẪU GIÁO NHỎ TRONG TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI THEO CHỦ ĐỀ.....	21
2.1. Nội dung nghiên cứu.....	21
2.1.1. Nghiên cứu lí luận.....	21
2.1.2. Nghiên cứu thực tiễn.....	21
2.2. Tiến trình nghiên cứu.....	21
2.2.1. Nghiên cứu lí luận.....	21
2.2.2. Phát hiện thực trạng.....	21
2.3. Phương pháp nghiên cứu.....	22
2.3.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp các tài liệu lí luận.....	22
2.3.2. Phương pháp quan sát.....	23
2.3.3. Phương pháp trò chuyện.....	24
2.3.4. Phương pháp xử lí thông tin bằng thống kê toán học.....	24
2.4. Tiêu chí đánh giá ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề.....	25
2.4.1. Vốn từ.....	25
2.4.2. Ngữ điệu.....	27
2.4.3. Tính mạch lạc.....	31

2.4.4. Đánh giá chung ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ trong trò chơi đóng vai theo chủ đề.....	33
2.5. Kết luận chương 2.....	35
CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ TÌM HIỂU THỰC TRẠNG NGÔN NGỮ THỂ HIỆN XÚC – TÌNH CẢM CỦA TRẺ MẪU GIÁO NHỎ TRONG TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI THEO CHỦ ĐỀ.....	36
3.1. Vài nét về khách thể nghiên cứu.....	36
3.1.1. Vài nét về trường mầm non Sao Mai – Đông Anh – Hà Nội.....	36
3.1.2. Vài nét về khách thể nghiên cứu.....	36
3.2. Thực trạng xây dựng nội dung và tổ chức trò chơi đóng vai theo chủ đề ở các trường mầm non hiện nay.....	37
3.2.1. Thực trạng lập kế hoạch và tổ chức trò chơi đóng vai theo chủ đề ở trường Mầm non Sao Mai.....	37
3.2.2. Thực trạng về tạo môi trường chơi cho trẻ.....	39
3.2.3. Mức độ tích lũy kinh nghiệm làm sống lại kinh nghiệm của trẻ trong trò chơi.....	39
3.2.4. Thực trạng quy trình tổ chức hướng dẫn trẻ chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề.....	40
3.3. Kết quả tìm hiểu thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề.....	45
3.3.1. Kết quả chung.....	45
3.3.2. Kết quả tìm hiểu thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề theo từng tiêu chí.....	47
3.3.3. Kết quả tìm hiểu thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề so sánh theo giới tính.....	51

3.4. Nguyên nhân của thực trạng.....	53
PHẦN KẾT LUẬN.....	54
1. Kết luận.....	54
2. Kiến nghị	55
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	57
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Với trẻ em lứa tuổi mẫu giáo, hoạt động vui chơi có ý nghĩa vô cùng to lớn trong sự hình thành những phẩm chất và năng lực cần thiết để trẻ có thể trở thành người với đúng nghĩa của nó. Thông qua hoạt động vui chơi, đặc biệt là trò chơi đóng vai theo chủ đề (ĐVTCD), trẻ có khả năng nhận biết và thể hiện một cách chính xác, chân thực những cảm xúc như: vui mừng, yêu thương, ngạc nhiên, sợ hãi, buồn... Trẻ thể hiện cảm xúc của mình thông qua vẻ mặt, cử chỉ, tư thế, ánh mắt... Nhưng cũng thông qua ngôn ngữ trẻ mẫu giáo nhờ đã biết sử dụng ngôn ngữ để diễn đạt ý nghĩa, xúc cảm – tình cảm (XC – TC) của mình với những người xung quanh.

Mục tiêu của giáo dục mầm non hiện nay là giáo dục nhằm phát triển trẻ em một cách toàn diện về: trí tuệ, thể chất, tình cảm xã hội, thẩm mỹ và ngôn ngữ để hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ đến trường phổ thông. Xúc cảm – tình cảm là một bộ phận, là nền tảng của sự hình thành nhân cách trẻ. Ngôn ngữ là phương tiện cơ bản nhất để hình thành và phát triển toàn diện nhân cách. Cần phải giáo dục và tạo điều kiện để trẻ bộc lộ xúc cảm – tình cảm của bản thân bằng ngôn ngữ. Có thể thấy trẻ bộc lộ ngôn ngữ xúc cảm – tình cảm qua nhiều con đường khác nhau nhưng thuận lợi là thông qua trò chơi đóng vai theo chủ đề.

Trẻ em lứa tuổi 4 – 5 tuổi hoạt động chủ đạo là trò chơi đóng vai theo chủ đề. Thông qua trò chơi đóng vai theo chủ đề trẻ được nói lên suy nghĩ của mình, thể hiện được mọi sắc thái tình cảm. Nhưng thực tế hiện nay trong các trường mầm non giáo viên có tổ chức trò chơi đóng vai theo chủ đề nhưng chưa chú ý nhiều đến vai trò của trò chơi đối với sự phát triển xúc cảm – tình cảm, vẫn chưa quan tâm nhiều đến những xúc cảm – tình cảm của trẻ, chưa lắng nghe và để trẻ bộc lộ được những xúc cảm của mình. Điều này khiến trẻ

lúng túng, vụng về trong giao tiếp, hợp tác để bộc lộ thái độ của mình với bạn bè và những người thân xung quanh bằng ngôn ngữ nói. Vì những lí do trên chúng tôi lựa chọn nghiên cứu đề tài: ***Thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo nhỡ thông qua trò chơi đóng vai theo chủ đề.***

2. Mục đích nghiên cứu

Tìm hiểu thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo nhỡ tại trường mầm non Sao Mai – Đông Anh – Hà Nội thông qua trò chơi đóng vai theo chủ đề. Bước đầu tìm ra nguyên nhân làm cơ sở cho việc đề ra một số biện pháp giúp trẻ thể hiện xúc cảm – tình cảm của bản thân bằng ngôn ngữ.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu trên 40 trẻ 4 – 5 tuổi tại lớp mẫu giáo nhỡ B1 trường Mầm non Sao Mai – Đông Anh – Hà Nội.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo nhỡ trong trò chơi đóng vai theo chủ đề.

4. Giả thuyết khoa học

Ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo nhỡ gắn liền với nhận thức và hành động. Đặc biệt trẻ bộc lộ rõ nét nhất các xúc cảm này khi tham gia trò chơi đóng vai theo chủ đề, nhưng nội dung này vẫn chưa được giáo viên quan tâm khiến ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ còn lúng túng, không tự tin.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

1. Nghiên cứu một số vấn đề lí luận có liên quan tới đề tài.

2. Tiến hành điều tra thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo nhỡ trong trò chơi đóng vai theo chủ đề qua một số phương pháp nghiên cứu để lấy số liệu.

3. Phân tích kết quả nghiên cứu để thấy rõ thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo nhỡ.

6. Phương pháp nghiên cứu

1. Phương pháp phân tích và tổng hợp các tài liệu lí luận
2. Phương pháp quan sát
3. Phương pháp trò chuyện
4. Phương pháp toán thống kê

7. Giới hạn nghiên cứu

Có nhiều dạng hoạt động ngôn ngữ như: ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết, ngôn ngữ cử chỉ điệu bộ, ngôn ngữ bên trong (ngôn ngữ thầm). Đề tài này chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu thực trạng ngôn ngữ nói của trẻ mẫu giáo nhỡ trong việc thể hiện 6 loại xúc cảm – tình cảm cơ bản của con người: vui mừng, buồn bã, tức giận, sợ hãi, yêu thương, ngạc nhiên tại trường Mầm non Sao Mai – Đông Anh – Hà Nội.

8. Cấu trúc của khóa luận

Phần 1: Mở đầu

Phần 2: Nội dung

Chương 1: Cơ sở lí luận

Chương 2: Nội dung và phương pháp nghiên cứu thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo nhỡ trong trò chơi đóng vai theo chủ đề.

Chương 3: Kết quả tìm hiểu thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo nhỡ trong trò chơi đóng vai theo chủ đề.

NỘI DUNG
CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Ở Việt Nam, vấn đề ngôn ngữ trẻ em từ 1 – 6 tuổi cũng được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm:

Lưu Thị Lan: “Những đặc trưng ngữ pháp trong câu nói của trẻ 1 – 3 tuổi”.

Hồ Minh Tâm: “Bước đầu tìm hiểu vốn từ trẻ em ở lứa tuổi 1 – 3 tuổi”, 1989.

Nguyễn Thị Mai: “Nghiên cứu thực trạng hiểu từ của trẻ mẫu giáo 3 - 4 tuổi, 1989.

Đỗ Thị Thanh Mai: “Tìm hiểu thực trạng mức độ hiểu từ của trẻ em mẫu giáo 5 tuổi Hà Nội qua trắc nghiệm”.

Nguyễn Thị Oanh: “Các biện pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mẫu giáo lớn”.

Võ Phan Thu Hương: “Biện pháp dạy trẻ 5 – 6 tuổi nói đúng ngữ pháp”.

Nhìn chung, vấn đề ngôn ngữ của trẻ em được các nhà nghiên cứu quan tâm ở nhiều mặt. Song các công trình nghiên cứu về ngôn ngữ ở Việt Nam chủ yếu nghiên cứu trẻ em ở lứa tuổi nhà trẻ (24 – 36 tháng), trẻ em lứa tuổi mẫu giáo bé (3 – tuổi) và trẻ em lứa tuổi mẫu giáo lớn (5 – 6 tuổi) mà ít công trình nghiên cứu ngôn ngữ của trẻ mẫu giáo nhỡ (4 – 5 tuổi). Vì vậy chúng tôi lựa chọn đề tài “Thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo nhỡ thông qua trò chơi đóng vai theo chủ đề”. Đề tài này nhằm tìm hiểu thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo nhỡ trong trò chơi đóng vai theo chủ đề tại trường Mầm non Sao Mai – Đông Anh

– Hà Nội, giúp các giáo viên có những biện pháp giúp trẻ biết sử dụng ngôn ngữ để thể hiện xúc cảm – tình cảm của bản thân.

1.2. Một số vấn đề lí luận về ngôn ngữ và sự hình thành, phát triển ngôn ngữ của trẻ mẫu giáo

1.2.1. Khái niệm ngôn ngữ

Ngôn ngữ có vai trò rất quan trọng. Trước hết, nó giúp chúng ta hiểu ý nhau, từ đó mà phối hợp với nhau trong lao động sản xuất, trong sinh hoạt xã hội. Ngôn ngữ là hình thức thể hiện tư tưởng của con người, nó gắn bó chặt chẽ với tư duy.

Vậy bản chất ngôn ngữ là gì? Căn cứ vào chức năng của ngôn ngữ trong xã hội thì ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người, phương tiện thông báo và trao đổi tư tưởng, là phương tiện hình thành tư duy.

Ta có thể hiểu: *Ngôn ngữ là một hệ thống các kí hiệu có ý nghĩa chung đối với cả một tập hợp người và có những quy tắc (phát âm, ngữ nghĩa, ngữ pháp) thống nhất với nhau trong toàn bộ tập hợp người ấy. Là quá trình trong đó con người sử dụng một thứ tiếng (ngôn ngữ) hay một hệ thống kí hiệu nào đó để truyền đạt và lĩnh hội những kinh nghiệm lịch sử xã hội, hoặc để thiết lập nên mối quan hệ giao lưu hoặc để kế hoạch hóa hoạt động của mình.*

1.2.2. Khái niệm ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm

Từ khái niệm về ngôn ngữ ta có thể hiểu khái niệm ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm như sau: Ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm là ngôn ngữ con người sử dụng để truyền đạt những rung động biểu hiện thái độ của các cá nhân đối với thế giới khách quan và đối với bản thân có liên quan đến nhu cầu và động cơ của họ.

Ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm được thể hiện thông qua: ngữ điệu, vốn từ và tính mạch lạc của ngôn ngữ. Tìm hiểu ngôn ngữ thể hiện xúc

cảm – tình cảm chính là tìm hiểu tính biểu cảm của lời nói. Đối với trẻ mẫu giáo thì tính biểu cảm của lời nói thể hiện chủ yếu qua ngữ điệu của lời nói.

1.2.3. Chức năng của ngôn ngữ

Ngôn ngữ có nhiều chức năng nhưng quan trọng đó quan trọng nhất là hai chức năng: công cụ giao tiếp và công cụ tư duy.

** Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp chủ yếu của con người:*

Giao tiếp là sự truyền đạt thông tin từ người này sang người khác với một mục đích nhất định nào đó. Khi giao tiếp người ta trao đổi tư tưởng, tình cảm, trí tuệ, hiểu biết... với nhau và tác động đến nhau về mặt nhận thức, tình cảm và hành động. Giao tiếp được thực hiện nhờ công cụ tốt nhất là ngôn ngữ.

Ngôn ngữ là công cụ giao tiếp thể hiện ở chỗ giúp con người có thể lưu giữ những kinh nghiệm sản xuất để truyền từ đời này sang đời khác. Ngôn ngữ giúp trao đổi tư tưởng, tình cảm, xác lập các mối quan hệ giữa các thành viên trong cộng đồng xã hội. Thông qua sự kết nối tập thể này ngôn ngữ là một công cụ để tổ chức xã hội, duy trì mối quan hệ giữa người với người trong xã hội.

** Ngôn ngữ là phương tiện tư duy của con người:*

Tư duy là mức độ nhận thức lí tính, nhận thức gián tiếp, khái quát. Khả năng phản ánh thực tế dưới dạng khái niệm, phán đoán và kết luận là kết quả của quá trình suy nghĩ, tư duy. Ở mức độ nhận thức này, trí tuệ con người hình thành các khái niệm, các phán đoán về sự vật, hiện tượng và tiến hành các suy luận về chúng.

Chức năng giao tiếp của ngôn ngữ gắn liền với chức năng thể hiện tư duy của ngôn ngữ. Khi giao tiếp con người phải nói với nhau một cái gì đấy (tư tưởng, tình cảm...), ngôn ngữ không phải là tổ hợp âm thanh đơn thuần mà là nơi lưu giữ kinh nghiệm của loài người. Chức năng tư duy của ngôn

ngữ độc lập với chức năng giao tiếp bởi vì ngôn ngữ không phải chỉ cần đến khi chúng ta nói năng giao tiếp mà cần đến ngay cả khi chúng ta suy nghĩ thầm lặng, khi độc thoại nội tâm.

Ngôn ngữ là công cụ của tư duy, là chỗ dựa để suy nghĩ và ghi lại kết quả suy nghĩ của con người. Ngôn ngữ và tư duy thống nhất với nhau. Không có ngôn ngữ thì không có tư duy và ngược lại, không có tư duy thì ngôn ngữ chỉ là vỏ âm thanh trống rỗng.

1.2.4. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi

Trẻ mẫu giáo nhỡ 4 – 5 tuổi đã biết chủ động trong giao tiếp, biết đàm thoại với mọi người xung quanh. Ở độ tuổi này, ngôn ngữ đối với trẻ không chỉ là phương tiện giao tiếp mà còn là phương tiện tư duy và nhận thức.

Vốn từ của trẻ mẫu giáo nhỡ phong phú và tăng nhanh, hầu hết các loại từ đã xuất hiện trong ngôn ngữ của trẻ, trẻ hiểu được nghĩa và dùng từ chính xác hơn trẻ ở lứa tuổi mẫu giáo bé. Trẻ 4 tuổi có thể sử dụng được xấp xỉ 700 từ. Giai đoạn này trẻ đã sử dụng được nhiều mẫu câu đơn giản, đúng ngữ pháp; có thể kể một số truyện ngắn một cách tuần tự, có thể kể chuyện theo tranh; đóng vai mô phỏng công việc của người lớn...

Mặt âm thanh của lời nói cũng nhanh chóng phát triển. Trẻ lĩnh hội được và phát âm đúng nhiều âm vị, phát âm từ và câu rõ nét hơn; trẻ bắt đầu biết điều chỉnh tốc độ và cường độ giọng nói. Sự phát triển lời nói mạch lạc của trẻ chịu ảnh hưởng lớn của việc tích cực hóa vốn từ. Lời nói của trẻ đã được mở rộng hơn, có trật tự hơn mặc dù cấu trúc còn chưa hoàn thiện.

1.3. Một số vấn đề lí luận về xúc cảm – tình cảm và đặc điểm xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi

1.3.1. Khái niệm xúc cảm – tình cảm

- Khái niệm xúc cảm: Xúc cảm là một quá trình tâm lý có tính chất nhất thời, tình huống và đa dạng. Xúc cảm luôn luôn ở trạng thái hiện thực để

thực hiện chức năng sinh vật, tức giúp con người định hướng và thích nghi với môi trường bên ngoài với tư cách là một cá thể.

- Khái niệm tình cảm: Tình cảm là một thuộc tính tâm lý, mang tính chất ổn định và thường ở trạng thái tiềm tàng để thực hiện chức năng xã hội, giúp con người định hướng và thích nghi với xã hội với tư cách là một nhân cách.

Tình cảm được hình thành từ những xúc cảm cùng loại và được thể hiện qua các xúc cảm. Ngược lại, tình cảm có thể ảnh hưởng trở lại chi phối các cảm xúc của con người.

Xúc cảm – tình cảm là những rung động biểu thị thái độ của cá nhân đối với thế giới khách quan và đối với bản thân, có liên quan đến nhu cầu và động cơ của họ, đồng thời nó mang tính chủ quan, độc đáo của mỗi người.

1.3.2. Các phương tiện biểu hiện xúc cảm – tình cảm

Sự biểu đạt cảm xúc – tình cảm được biểu hiện rất phức tạp, tinh tế. Làm thế nào để nhận diện các loại xúc cảm – tình cảm của con người? Để trả lời câu hỏi này các nhà tâm lý học đã sử dụng phương pháp quan sát, tâm lý lâm sàng, dựa trên các tiêu chí sau:

1.3.2.1. Phản ứng hành vi

Xúc cảm – tình cảm là hiện tượng tâm lý được biểu hiện qua phản ứng hành vi của con người. Phản ứng hành vi xúc cảm – tình cảm được thể hiện ở nhiều góc độ khác nhau và hết sức tinh tế, khó nhận biết nếu không có vốn sống kinh nghiệm trong giao tiếp, hợp tác, không có những hiểu biết về chúng. Những thông tin, tín hiệu trên nét mặt truyền cảm mạnh tới đối tượng giao tiếp.

Phản ứng hành vi qua vận động của đầu, cổ thường mang tính khái quát hơn. Ví dụ: Đồng ý thì gật đầu, không đồng ý thì lắc đầu.

Phản ứng qua vận động của tay, toàn thân, chân và các tư thế cũng tham gia vào các quá trình truyền thông tin, tín hiệu cho các đối tượng giao tiếp để nhận biết thái độ của cá nhân tại thời điểm tiếp xúc.

1.3.2.2. Hành vi ngôn ngữ

Hành vi ngôn ngữ khá phức tạp, không chỉ biểu lộ các loại XC – TC cơ bản của con người, nó cũng phản ánh các sắc thái của từng loại XC – TC.

Thông qua giọng điệu âm thanh ngôn ngữ với mức độ to – nhỏ khác nhau, ngữ điệu âm thanh ngôn ngữ cũng có cường độ cao – thấp rõ ràng, trẻ sử dụng chúng để truyền thông tin, truyền tín hiệu các trạng thái XC – TC cơ bản của mình như sợ hãi, tức giận, vui mừng, ngạc nhiên, thích thú...

Ngoài ra, các nhà sinh lí học còn nghiên cứu “tầng sâu” của những biểu hiện XC – TC: Đó là sự hoạt hóa của trương lực cơ bắp, của các tổ chức cơ thể như: Tim mạch, hệ nội tiết, hệ thần kinh và não. Chúng thể hiện đồng thời với phản ứng hành vi trên nét mặt, tay, chân, tư thế và biểu hiện qua giọng điệu, cách phát âm... của hành vi ngôn ngữ.

Sự phân chia các phương tiện biểu cảm trên chỉ mang tính tương đối, bởi vì mỗi phản ứng hành vi XC – TC thể hiện sự phối hợp đan xen phức tạp xảy ra nhanh trong đời sống sinh hoạt hằng ngày của con người.

1.3.3. Đặc điểm xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi

Đặc điểm nổi bật trong đời sống tâm lí của trẻ mẫu giáo là sự phát triển mãnh liệt của những xúc cảm – tình cảm và chính những xúc cảm – tình cảm lại có sự chi phối lớn đến tất cả các mặt trong hoạt động tâm lí của trẻ. Đặc biệt ở lứa tuổi mẫu giáo nhờ thì đời sống xúc cảm – tình cảm của trẻ có bước chuyển biến mạnh mẽ, nổi bật lên trên hết đó là tính đồng cảm và tính dễ xúc cảm.

1.3.3.1. Xúc cảm – tình cảm của trẻ không ổn định, dễ dao động, mang tính chất tình huống, hoàn cảnh

Mặc dù những xúc cảm – tình cảm cơ bản đã được hình thành và đang dần ổn định, nhưng xúc cảm – tình cảm của trẻ vẫn thường rất dễ dao động,

dễ thay đổi, dễ khóc, dễ cười. Có thể đang khóc trẻ lại quay ra cười hoặc đang thích cái này lại chuyển sang thích cái khác... Bởi xúc cảm – tình cảm của trẻ bị quá trình thần kinh hưng phấn chi phối. Hơn nữa, trẻ xuất hiện nhiều nhu cầu mà có thể nhu cầu này được thỏa mãn, còn nhu cầu kia lại không được thỏa mãn nên trẻ thường có những biểu hiện xúc cảm – tình cảm đối lập như vậy.

Xúc cảm – tình cảm của trẻ thường gắn với tình huống, hoàn cảnh cụ thể. Khi gặp những tình huống, hoàn cảnh khác nhau thì trẻ sẽ có những biểu hiện xúc cảm – tình cảm khác nhau. Trẻ có những phản ứng xúc cảm đối với tất cả những gì mới lạ mà ở mức độ nào đó làm cho nó phải sửng sốt vì hình dạng, màu sắc của chúng hoặc những tác động bên ngoài có thể làm cho trẻ chán ghét, sợ hãi...

1.3.3.2. Tính đồng cảm

Ở trẻ 4 – 5 tuổi luôn có nhu cầu đòi hỏi mọi người chia sẻ xúc cảm – tình cảm và trẻ cũng muốn chia sẻ xúc cảm – tình cảm với người khác. Nhu cầu được yêu thương của trẻ mẫu giáo nhỏ là rất lớn, nhưng đáng chú ý hơn là sự đồng cảm của trẻ cũng rất mạnh mẽ đối với những người xung quanh.

Trước hết là ông bà, bố mẹ, anh chị, cô giáo. Trẻ không những tỏ ra thông cảm mà còn muốn làm một việc gì đó để an ủi, chăm sóc họ. Đồng thời khi người gần gũi trẻ cười nói, vui vẻ thì trẻ cũng rất phấn chấn, nói cười vui vẻ.

Bên cạnh đó trẻ còn rất quan tâm đến bạn bè, thể hiện sự đồng cảm với bạn như khi bạn buồn cho bạn đồ ăn. Khi bạn vui vẻ cũng vui lây và cùng nhau cười vui vẻ. Sự đồng cảm đó cũng được bộc lộ với cả em bé nhỏ hơn mình, khi em bé ốm đau trẻ cũng tỏ ra thương xót, buồn. Hay khi nghe truyện kể, trẻ cũng tỏ ra xót xa thương cảm đối với những nhân vật tốt mà rơi vào hoàn cảnh éo le.

1.3.3.3. Xúc cảm – tình cảm chi phối hoạt động nhận thức của trẻ

Xúc cảm – tình cảm và nhận thức luôn có mối quan hệ mật thiết với nhau. Hơn nữa, hoạt động nhận thức chi phối xúc cảm – tình cảm một cách

trực tiếp. Với nhận thức cảm tính: để cảm giác, tri giác của trẻ có hiệu quả tốt thì đối tượng phải gây được hứng thú đối với trẻ. Khi ở trong tâm trạng khác nhau, hình ảnh tri giác một sự vật xung quanh của trẻ phụ thuộc vào xúc cảm – tình cảm của nó. Trên cơ sở nhận thức cảm tính, ở trẻ sẽ hình thành và phát triển nhận thức lí tính, mức độ nhận thức cao hơn như phân tích, so sánh, tổng hợp, trừu tượng hóa, khái quát hóa,...

Ngược lại, xúc cảm – tình cảm cũng có ảnh hưởng trở lại đến quá trình nhận thức của trẻ, các xúc cảm – tình cảm tiêu cực không những làm rối loạn các quá trình sinh lí mà cả quá trình tâm lí.

1.3.3.4. Sự phát triển xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo nhờ rất phong phú, được biểu hiện ở nhiều mặt trong đời sống tinh thần của trẻ

Các loại tình cảm bậc cao như tình cảm trí tuệ, tình cảm đạo đức, tình cảm thẩm mỹ đều ở thời điểm phát triển thuận lợi nhất, đặc biệt đây là thời kì “phát cảm” của tình cảm thẩm mỹ. Tình yêu cái đẹp trong thiên nhiên, trong cuộc sống và trong nghệ thuật. Thực chất đó là tình cảm được khơi gợi lên bởi những xúc cảm – tình cảm về cái đẹp của con người. Hơn nữa, ở lứa tuổi này, cái tốt với cái đẹp gắn liền với nhau, chúng như là một.

1.4. Trò chơi đóng vai theo chủ đề và ý nghĩa của nó đối với sự phát triển ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi

1.4.1. Khái niệm trò chơi đóng vai theo chủ đề và đặc điểm của trò chơi đóng vai theo chủ đề

Hiện nay có rất nhiều cách hiểu về trò chơi đóng vai theo chủ đề:

Có ý kiến cho rằng: Trò chơi đóng vai theo chủ đề là loại trò chơi trong đó trẻ đóng một vai cụ thể để tái tạo lại những ấn tượng, những xúc cảm – tình cảm mà trẻ thu thập được từ một môi trường xã hội của người lớn nhờ sự tham gia tích cực của trí tưởng tượng.

Có thể nói cách khác: Trò chơi đóng vai theo chủ đề là loại trò chơi mà khi chơi trẻ mô phỏng một mảng nào đó của cuộc sống người lớn trong xã hội bằng việc nhập vào (hay còn gọi là đóng vai) một nhân vật nào đó để thực hiện chức năng xã hội của họ bằng những hành động mang tính tượng trưng.

Vậy chúng ta có thể hiểu: Trò chơi đóng vai theo chủ đề là một loại hoạt động trò chơi mà trẻ em mô phỏng lại một mảng nào đó của cuộc sống người lớn trong xã hội bằng việc nhập vào các vai, tức là ướm mình vào một người nào đó để hành động theo chức năng của họ trong mối quan hệ xã hội. Bản chất của trò chơi đóng vai theo chủ đề là một mô hình hoá những quan hệ xã hội, mà trẻ chịu sự chi phối của chúng. Đó là quan hệ giữa người lớn với nhau trong xã hội, cách cư xử, hành vi ứng xử, văn minh được trẻ em quan tâm và trở thành đối tượng hành động của chúng.

* Đặc điểm của trò chơi đóng vai theo chủ đề:

1. Trò chơi này được coi là trò chơi đóng vai theo chủ đề trước hết là vì trò chơi này bao giờ cũng có chủ đề.

Chủ đề của trò chơi muôn màu, muôn vẻ, trẻ tái hiện lại những sinh hoạt của người lớn. Chẳng hạn chủ đề “Gia đình”, “Bán hàng”, “Giao thông vận tải”... Trong khi chơi phản ánh cuộc sống xung quanh rất đa dạng với các mảng hiện thực hết sức phong phú. Các mảng hiện thực được phản ánh vai trò chơi được gọi là chủ đề chơi. Phạm vi hiện thực mà trẻ tiếp xúc càng rộng bao nhiêu thì các chủ đề của trò chơi càng phong phú bấy nhiêu. Trong khi chơi, mọi hoạt động của trẻ đều xoay quanh chủ đề của trò chơi dựa vào những biểu tượng sinh động của chính các cháu về cuộc sống đang diễn ra hàng ngày. Trẻ càng lớn thì chủ đề chơi càng trở nên sâu rộng.

2. Để trò chơi đóng vai theo chủ đề được thực hiện trẻ cần phải đóng vai tức là ướm mình vào vị trí của một người lớn nào đó và bắt trước hành động của họ như là để thực hiện các chức năng xã hội. Vui chơi là yếu tố

quan trọng để tạo nên trò chơi. Trong vui chơi, trẻ thường thực hiện một công việc nào đó mang tính chất nghề nghiệp như lái xe, bán hàng, dạy học, chữa bệnh...

Đóng vai là con đường để trẻ thâm nhập vào cuộc sống của người lớn xung quanh. Trò chơi đóng vai theo chủ đề có thành công hay không điều đó phụ thuộc phần lớn vào việc trẻ có đóng được vai hay không?

3. Trò chơi đóng vai theo chủ đề là loại trò chơi mô phỏng cuộc sống xung quanh của người lớn mà hoạt động của họ trong xã hội lại không mang tính chất riêng lẻ và đơn độc. Trong xã hội, hoạt động của mỗi con người bao giờ cũng liên quan đến nhiều người khác, nghĩa là hoạt động của con người bao giờ cũng mang tính hợp tác. Sự hợp tác giữa nhiều người trong một cộng đồng hoặc giữa nhóm này với nhóm khác là đặc trưng của xã hội loài người. Bởi vậy để tiến hành trò chơi đóng vai theo chủ đề cần phải có nhiều trẻ em cùng tham gia, cùng hoạt động với nhau nghĩa là có bạn để cùng chơi do đó một “xã hội trẻ em” được hình thành. Tính hợp tác là một nét phát triển mới một nét tiêu biểu trong hoạt động vui chơi của trẻ Mẫu Giáo. Bản chất của trò chơi đóng vai theo chủ đề là mô hình hoá những quan hệ xã hội mà trẻ chịu sự chi phối của chúng. Đó là những quan hệ giữa người lớn với nhau trong xã hội được trẻ em quan tâm và trở thành đối tượng hành động của chúng.

4. Trò chơi đóng vai theo chủ đề mang tính biểu tượng cao, đó là chức năng ký hiệu tượng trưng. Trong khi chơi mỗi đứa trẻ đều tự nhận cho mình một vai trò nào đó và thực hiện những hành động của vai. Nhưng đây chỉ là hành động ngụ ý “giả vờ” mà thôi, từ vai chơi, hành động chơi, đến những đồ chơi đều là giả vờ, đều mang tính tượng trưng, nhưng lại rất thực đối với trẻ em, vì nó đã phản ánh thực tế cuộc sống, sự kiện này đã cho ra đời một chức năng mới của ý thức. Đó là chức năng ký hiệu, tượng trưng nhờ đó trẻ có thể bước sang một loại hình mới của việc nhận thức thế giới hiện thực, một loại

hình đặc trưng của con người, đó là sự nhận thức hiện tượng thông qua một hệ thống ký hiệu. Chức năng ký hiệu tượng trưng cho phép trẻ tách hành động khỏi đồ vật thật mà hành động với những vật thay thế. Ví dụ: trẻ phi ngựa bằng chiếc gậy, thì hành động đó mất đi ý nghĩa thực tiễn của nó mà biến thành một ký hiệu đánh dấu việc cưỡi ngựa và chiếc gậy ở đây chỉ đồ vật thay thế cho con ngựa. Khi bắt đầu biết dùng đồ vật thay thế cũng là lúc trẻ biết dùng những ký hiệu tượng trưng để nhận thức thế giới. Nhờ đó các chức năng tâm lý bậc cao (tư duy, tưởng tượng, tình cảm...) đều được phát triển tốt.

1.4.2. Cấu trúc của trò chơi đóng vai theo chủ đề

1.4.2.1. Chủ đề và nội dung chơi

Chủ đề của trò chơi là mảng hiện thực được trẻ phản ánh vào trong trò chơi (chủ đề nghề nghiệp, chủ đề gia đình...)

Nội dung chơi là hoạt động của người lớn được trẻ em nhận thức và được tái tạo lại trong trò chơi.

Nội dung của trò chơi được phức tạp dần theo trình độ phát triển của trẻ:

+ Trẻ mẫu giáo bé (3 – 4 tuổi): Trẻ tái tạo lại những hành động của người lớn.

+ Trẻ mẫu giáo nhỡ (4 – 5 tuổi): Có thêm nội dung mới đó là mối quan hệ giữa người với người trong quá trình hoạt động chung.

+ Trẻ mẫu giáo lớn (5 – 6 tuổi): Ngoài hai nội dung trên trẻ tái tạo mối quan hệ bên trong cả về tình cảm – đạo đức...

1.4.2.2. Vai chơi và hành động chơi

Vai chơi là một yếu tố quan trọng tạo nên trò chơi.

Hành động chơi đó là những hành động mà trẻ nhận thức được những hành động của người lớn.

1.4.2.3. Các quan hệ chơi trong trò chơi

Trong trò chơi có hai mối quan hệ:

Quan hệ thực: Là quan hệ giữa trẻ và người khác trong quan hệ chơi.

Quan hệ chơi: Là mối quan hệ giữa các vai chơi, sức sống của trò chơi phụ thuộc vào sự thiết lập và vận hành mối quan hệ giữa các vai chơi.

1.4.2.4. Đồ chơi và hoàn cảnh chơi

Đồ chơi là vật thay thế cho vật thật, có 2 loại đồ chơi:

- + Đồ chơi người lớn làm cho trẻ (ô tô bằng gỗ, búp bê bằng rơm...)
- + Đồ chơi do trẻ tự làm ra: Trẻ lấy vật này để thay thế cho vật khác (lá – tiền, gậy – kiếm, que – kim tiêm,...)

Trong 4 yếu tố trên thì chủ đề và nội dung chơi quyết định tất cả các yếu tố khác.

1.4.3. Vai trò của trò chơi đóng vai theo chủ đề

Những phẩm chất tâm lí và những đặc điểm nhân cách của trẻ mẫu giáo được phát triển mạnh mẽ nhất là trong hoạt động vui chơi.

1.4.3.1. Hình thành tính chủ định của quá trình tâm lí

Nếu đứa trẻ không chú ý và nhớ những điều kiện của trò chơi thì nó sẽ hành động tự do dẫn đến nguy cơ bị các bạn cùng chơi không chơi cùng. Để trò chơi được thành công buộc đứa trẻ phải tập trung chú ý và ghi nhớ một cách có chủ định.

1.4.3.2. Sự phát triển tư duy

Trong hoạt động vui chơi, đặc biệt là trò chơi đóng vai theo chủ đề, trẻ phải nhập vai và thực hiện các vai chơi với vật thay thế, trong khi hành động với vật thay thế trẻ phải suy nghĩ về đồ vật thực. Trẻ phải dựa vào các hình ảnh đã biết để thực hiện vai chơi của mình.

1.4.3.3. Sự phát triển tưởng tượng

Tưởng tượng là một quá trình nhận thức, xây dựng hình ảnh mới dựa vào những hình ảnh đã biết.

Trong quá trình chơi trò chơi đóng vai theo chủ đề trẻ phải thực hiện các hành động của vai chơi với vật thay thế. Thao tác không trùng với hành động của vai chơi mà phụ thuộc vào vật thay thế. Từ đó trẻ buộc phải tưởng tượng ra hành động chơi. Như vậy, hoạt động vui chơi quyết định sự hình thành và phát triển tưởng tượng của trẻ ở lứa tuổi này.

1.4.3.4. Sự phát triển ngôn ngữ

Tình huống chơi đòi hỏi mỗi đứa trẻ tham gia vào trò chơi phải có một trình độ giao tiếp bằng ngôn ngữ nhất định. Nếu trẻ không diễn đạt được mạch lạc nguyện vọng và ý kiến của mình đối với bạn chơi hay những lời chỉ dẫn của các bạn cũng chơi thì trẻ không thể nào tham gia trò chơi được. Để đáp ứng được yêu cầu của việc cùng chơi, trẻ phải phát triển ngôn ngữ một cách rõ ràng mạch lạc.

1.4.3.5. Sự phát triển tình cảm

Tình cảm được nảy sinh từ mối quan hệ giữa người với người. Trong trò chơi đóng vai theo chủ đề, trẻ phải tham gia vào hai mối quan hệ: Quan hệ thực và quan hệ chơi. Trẻ nhập vai vào các mối quan hệ đó, từ đó tình cảm được nảy sinh và phát triển.

1.4.3.6. Sự phát triển ý chí

Tính mục đích, tính tự chủ, tính kiên trì là các phẩm chất của ý chí được hình thành và phát triển mạnh trong khi chơi.

Vậy đây là hoạt động chủ đạo quyết định sự hình thành và phát triển tâm lí của trẻ mẫu giáo.

1.4.4. Ý nghĩa của trò chơi đóng vai theo chủ đề đối với sự phát triển ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi

1.4.4.1. Ý nghĩa của trò chơi đóng vai theo chủ đề đối với sự phát triển ngôn ngữ

Vui chơi có vai trò rất to lớn đến sự phát triển ngôn ngữ của trẻ mẫu giáo. Tình huống của trò chơi đòi hỏi mỗi đứa trẻ tham gia vào trò chơi phải

có một trình độ giao tiếp và ngôn ngữ nhất định. Nếu đứa trẻ không diễn đạt được nguyện vọng hay ý kiến của mình thì nó không thể tham gia vào trò chơi được. Để đáp ứng được yêu cầu của việc cùng chơi, trẻ phải phát triển ngôn ngữ một cách rõ ràng, mạch lạc. Chơi chính là điều kiện kích thích trẻ phát triển ngôn ngữ một cách nhanh chóng.

Thông qua trò chơi đóng vai theo chủ đề với nhiều chủ đề chơi khác nhau trẻ được trải nghiệm với nhiều nhân vật khác nhau ở nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau để từ đó giúp trẻ mở rộng vốn từ và tích cực hóa vốn từ. Khi tham gia chơi trẻ giao tiếp với nhau, giúp trẻ luyện nghe âm thanh ngôn ngữ mà từ đó trẻ phát âm đúng hơn. Rèn cho trẻ sử dụng ngữ điệu để tạo nên sự biểu cảm về phương diện âm thanh lời nói, đồng thời trong quá trình chơi giúp trẻ nói được nhiều mẫu câu tiếng Việt hơn, từ đó ngôn ngữ mạch lạc được phát triển.

Trò chơi đóng vai theo chủ đề là loại trò chơi có vị trí đặc biệt đối với sự phát triển tâm lí của trẻ em, nhất là trong giai đoạn đầu tiên của quá trình hình thành nhân cách. Bởi chính những yêu cầu đặt ra trong quá trình chơi đòi hỏi trẻ phải phát huy cao độ sự hoạt động của các chức năng tâm lí như ngôn ngữ, trí nhớ, tư duy... Như vậy, trò chơi tác động đến trẻ trên một bình diện rất rộng. Nhưng nó ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển ngôn ngữ và sự phát triển xúc cảm – tình cảm của trẻ.

1.4.4.2. Ý nghĩa của trò chơi đóng vai theo chủ đề đối với sự phát triển xúc cảm - tình cảm

Một trong những đặc điểm của hoạt động vui chơi mà trung tâm là trò chơi đóng vai theo chủ đề mang màu sắc xúc cảm – tình cảm chân thực mạnh mẽ. Trò chơi tác động mạnh mẽ và toàn diện đến trẻ em chính là vì nó thâm nhập một cách dễ dàng hơn vào thế giới xúc cảm – tình cảm, mà xúc cảm – tình cảm đối với trẻ lại là động cơ thúc đẩy hành động mạnh mẽ nhất. Do vậy,

đứa trẻ lao vào cuộc chơi với tất cả sự say mê, lòng nhiệt tình vốn có của nó. Dẫu biết rằng trong trò chơi mọi cái đều mang ý nghĩa tượng trưng, đều không có thật nhưng xúc cảm – tình cảm mà trẻ biểu hiện trong đó là chân thực nhất.

Trò chơi đóng vai theo chủ đề chiếm vị trí quan trọng trong đời sống xúc cảm – tình cảm của trẻ như : trò chơi đóng vai mẹ - con, bác sĩ – bệnh nhân... Những trò chơi này cho ta thấy chẳng những đứa trẻ hiểu chức năng của con người trong một nghề nghiệp nào đó mà còn thể hiện dưới hình thức trò chơi tính chất của các mối quan hệ trong gia đình: Cha mẹ đối xử với nhau như thế nào? Tình cảm của mẹ dành cho con như thế nào?

Trong trò chơi đóng vai theo chủ đề, thông qua nhiều chủ đề chơi khác nhau, trẻ mô phỏng cuộc sống của người lớn trong tính đa dạng của nó với nhiều nhân vật, với nhiều ngành nghề muôn màu, muôn vẻ từ đó mà trẻ được trải nghiệm nhiều loại xúc cảm – tình cảm với những cung bậc khác nhau thông qua các vai chơi. Đồng thời trong khi cùng các bạn chơi trò chơi đóng vai theo chủ đề trẻ có dịp thông cảm với niềm vui, nỗi buồn của nhau, an ủi nhau, nhờ đó năng lực đồng cảm (cơ sở của lòng nhân ái) có dịp phát triển mạnh. Những tình cảm bậc cao như tình cảm đạo đức, tình cảm thẩm mỹ, tình cảm trí tuệ đều được nhân lên khi trẻ cùng nhau vui chơi. Trò chơi đóng vai theo chủ đề tác động rất mạnh đến đời sống tình cảm của trẻ mẫu giáo. Đứa trẻ bị hấp dẫn bởi trò chơi đến mức say mê vì qua trò chơi trẻ cảm nhận được cái hay, cái đẹp trong xã hội người lớn bằng con mắt trẻ thơ. Những tình cảm mà trẻ bộc lộ trong trò chơi là tình cảm chân thực, thẳng thắn, không có gì là giả tạo. Không bao giờ đứa trẻ thờ ơ với cái mà nó biểu hiện khi nhập vai. Chính những hành động đó trong khi chơi giúp cho đời sống tình cảm của đứa trẻ ngày càng phong phú, sâu sắc.

Như vậy, trẻ có thể tham gia vào nhiều trò chơi khác nhau nhưng trò chơi đóng vai theo chủ đề là một hình thức, một phương tiện giáo dục xúc cảm – tình cảm cho trẻ hiệu quả nhất.

1.4.4.3. Ý nghĩa của trò chơi đóng vai theo chủ đề đối với sự phát triển ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm

Hoạt động vui chơi mà trung tâm là trò chơi đóng vai theo chủ đề có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển ngôn ngữ nói chung và sự phát triển ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm nói riêng của trẻ mẫu giáo.

Khi cùng nhau chơi một trò chơi đóng vai theo chủ đề buộc trẻ tham gia chơi phải sử dụng ngôn ngữ để cùng nhau bàn bạc và lựa chọn chủ đề chơi, vai chơi, cách chơi để cùng phối hợp hành động. Hơn nữa, trò chơi đóng vai theo chủ đề không phải là trò chơi cho từng người riêng lẻ theo kiểu chơi một mình mà đây là trò chơi theo nhóm, các thành viên trong nhóm cùng hoạt động với nhau, cùng chơi với nhau. Trong quá trình chơi thường xuyên xảy ra các tình huống mang xúc cảm – tình cảm khác nhau buộc trẻ tham gia chơi phải thể hiện các xúc cảm ngạc nhiên, tức giận, sợ hãi, buồn đau,... bằng ngôn ngữ nói trước các tình huống chơi khác nhau. Từ đó giúp trẻ rèn luyện ngữ điệu biểu cảm của lời nói, tích cực hóa vốn từ thể hiện xúc cảm – tình cảm. Học cách diễn đạt lời nói đúng, rõ ràng, giọng nói có sắc thái, biểu cảm.

Ở tuổi này xúc cảm – tình cảm có vai trò “thống soái” trong hành động và trong cách cư xử của trẻ. Không có một hoạt động nào ở tuổi mẫu giáo lại có thể giúp chúng bộc lộ xúc cảm – tình cảm của mình một cách chân thực như trò chơi đóng vai theo chủ đề (đặc biệt là thông qua vai chơi). Và không có một phương tiện nào lại giúp bộc lộ không chỉ xúc cảm – tình cảm mà còn cả sắc thái xúc cảm – tình cảm như ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm. Chẳng hạn: Khi trẻ đóng vai “người mẹ” có “con bị ốm”, “người mẹ” buồn rầu giọng nói thể hiện sự lo lắng, quan tâm và chăm sóc “con”, khi “con”

được “bác sĩ” chữa khỏi bệnh thì thái độ thái độ, thể hiện sự vui mừng. “Bác sĩ” khám bệnh cho “bệnh nhân” giọng điệu nhẹ nhàng, yêu thương...

Trẻ mẫu giáo nhờ có đặc điểm là rất quan tâm đến em bé nên khi chơi đóng vai mẹ - con, bố - con trẻ tỏ thái độ yêu thương, chăm sóc em bé rất cẩn thận, chu đáo, ngữ điệu lời nói luôn nhẹ nhàng, thể hiện sắc thái mềm mại, êm ái... Cứ như vậy, qua các vai chơi khác nhau, trẻ biết đặt mình vào các nhân vật khác nhau để trải nghiệm những rung cảm như sự thông cảm, lòng xót thương, nổi bực tức, sự vui mừng, buồn đau...không chỉ qua cử chỉ, điệu bộ mà còn thông qua ngôn ngữ nói (ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm). Vì thế, trẻ được rèn luyện cách điều chỉnh giọng điệu, nhịp điệu, tốc độ, âm sắc của lời nói khi diễn tả sắc thái các xúc cảm – tình cảm.

Thông qua các vai chơi khác nhau trong trò chơi đóng vai theo chủ đề trẻ được trải nghiệm các xúc cảm – tình cảm khác nhau. Bởi mỗi một vai chơi khác nhau lại có những tình cảm khác nhau, cách thể hiện khác nhau, hành động chơi và tính chất của mỗi vai chơi cũng khác nhau. Từ đó trẻ được rèn luyện khả năng thể hiện các xúc cảm – tình cảm khác nhau bằng ngôn ngữ nói về ngữ điệu, vốn từ, tính mạch lạc của ngôn ngữ giúp ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm hoàn thiện và phát triển.

Tóm lại, trò chơi đóng vai theo chủ đề có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển ngôn ngữ nói chung, ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm nói riêng và sự phát triển xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi... Thông qua trò chơi đóng vai theo chủ đề trẻ có thể mô phỏng lại những gì mà trẻ quan sát xung quanh mình. Trẻ biết thể hiện các xúc cảm một cách phù hợp với tình huống giao tiếp. Mặt khác, trò chơi đóng vai theo chủ đề giúp trẻ làm quen với thế giới hiện thực xung quanh, mở rộng tầm hiểu biết của trẻ, phát triển ngôn ngữ của trẻ.

CHƯƠNG 2

NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG NGÔN NGỮ THỂ HIỆN XÚC CẢM – TÌNH CẢM CỦA TRẺ MẪU GIÁO NHỎ TRONG TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI THEO CHỦ ĐỀ

2.1. Nội dung nghiên cứu

2.1.1. Nghiên cứu lí luận

Hệ thống những vấn đề cơ sở lí luận có liên quan đến đề tài

2.1.2. Nghiên cứu thực tiễn

Tìm hiểu thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề dựa trên đặc điểm và mức độ ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề.

2.2. Tiến trình nghiên cứu

2.2.1. Nghiên cứu lí luận

Mục đích: Xây dựng cơ sở ban đầu về lí luận cho đề tài nghiên cứu.

Tiến trình này được tiến hành từ tháng 12/2013 – 2/2014 và được thực hiện như sau:

+ Thu thập tài liệu, các luận án, tạp chí, sách báo có liên quan đến đề tài nghiên cứu.

+ Hình thành giả thuyết khoa học.

+ Xây dựng tiêu chí đánh giá ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề.

2.2.2. Phát hiện thực trạng

Mục đích: Phát hiện thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề.

Nội dung nghiên cứu:

- + Vốn từ
- + Ngữ điệu
- + Tính mạch lạc

Thời gian thực hiện bắt đầu từ 17/2/2014 – 25/3/2014

Tiến hành nghiên cứu phát hiện thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề trên 40 trẻ bằng phương pháp chính là quan sát hoạt động vui chơi của trẻ (trò chơi đóng vai theo chủ đề) và kết hợp phương pháp trò chuyện với giáo viên để có những thông tin bổ sung.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp các tài liệu lí luận

Mục đích: Nhằm xây dựng cơ sở lí luận cho đề tài nghiên cứu

Nội dung: Nhằm thực hiện nhiệm vụ thứ nhất của đề tài, chúng tôi đã tiến hành tìm kiếm, đọc, phân tích, tổng hợp những tài liệu về cơ sở phương pháp luận, các loại sách có liên quan đến vấn đề nghiên cứu để làm sáng tỏ các vấn đề nghiên cứu, làm cơ sở cho việc nghiên cứu thực tiễn.

Cách tiến hành:

+ Lập thư mục: Thống kê các sách báo, tạp chí, các công trình nghiên cứu, các luận văn, luận án... liên quan trực tiếp đến đề tài.

+ Đọc và ghi chép theo các vấn đề: Sau khi phân loại tài liệu để biết tài liệu nào cần đọc kĩ, tài liệu nào cần đọc lướt để nắm bắt được các nội dung cơ bản có liên quan đến đề tài nghiên cứu, tiến hành đọc và ghi chép theo kế hoạch. Phân tích, đánh giá các tài liệu thu được.

+ Hệ thống hóa, khái quát hóa thành cơ sở lí luận của vấn đề nghiên cứu.

Cách đánh giá: Trên cơ sở nghiên cứu lí luận đưa ra các nội dung và tiêu chí đánh giá thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi thông qua trò chơi đóng vai theo chủ đề.

2.3.2. Phương pháp quan sát

Mục đích quan sát: Quan sát hoạt động vui chơi của trẻ (trò chơi đóng vai theo chủ đề) nhằm phát hiện thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề.

Nội dung quan sát:

+ Quan sát và ghi chép cách sử dụng ngôn ngữ (vốn từ, ngữ điệu, tính mạch lạc của ngôn ngữ) của trẻ trong giao tiếp và trong hoạt động vui chơi (trò chơi đóng vai theo chủ đề).

+ Người quan sát cần xác định:

- Mục đích quan sát

- Địa điểm ngồi quan sát

- Khi quan sát, người quan sát phải ghi chép; có thể ghi chép kết quả quan sát theo cách: Có thể ghi kín đáo hoặc tích vào bảng liệt kê các nội dung cần quan sát đã được người nghiên cứu chuẩn bị sẵn.

Cách quan sát: Ở đề tài này chúng tôi sử dụng một số cách quan sát trẻ như sau:

+ Quan sát thông qua việc trực tiếp tham gia trò chơi, giao tiếp với trẻ trong nhóm chơi.

+ Người nghiên cứu quan sát trẻ chơi mà không tham gia vào một trò chơi nào của trẻ.

Khi sử dụng phương pháp quan sát đòi hỏi người nghiên cứu phải tập trung chú ý cao độ, biết nhanh chóng chuyển dịch chú ý sang nhiều đối tượng khác nhau và không làm ảnh hưởng đến quá trình chơi của trẻ. Trong khi quan sát phải biết cách sử dụng linh hoạt các cách quan sát, kết hợp hoặc thay đổi cách quan sát cho phù hợp.

Cách đánh giá: Sau khi quan sát và ghi chép sẽ phân tích các câu hỏi của trẻ trong quá trình trẻ chơi trò chơi đóng vai theo chủ đề và đánh giá theo

tiêu chí và thang điểm đã xây dựng từ trước trên sơ sở đọc, phân tích, tổng hợp các tài liệu lí luận.

2.3.3. Phương pháp trò chuyện

Mục đích trò chuyện: Để có thêm thông tin và củng cố những điều mà người nghiên cứu đã quan sát.

Nội dung trò chuyện: Chúng tôi dùng phương pháp này để trao đổi, hỏi ý kiến giáo viên về đặc điểm ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ bởi giáo viên là người nắm bắt rõ nhất về trẻ của lớp mình. Qua trò chuyện với giáo viên để có thêm thông tin củng cố những điều mà người nghiên cứu đã quan sát.

Cách tiến hành:

- + Người nghiên cứu phải xác định rõ mục đích trò chuyện.
- + Xác định nội dung và xây dựng kế hoạch trò chuyện.
- + Xây dựng hệ thống câu hỏi, các vấn đề cần trò chuyện có liên quan đến đề tài nghiên cứu và cách thức trò chuyện.

Cách đánh giá: Sau khi trò chuyện và ghi chép một cách tỉ mỉ, có hệ thống những lời trao đổi với giáo viên người nghiên cứu sẽ phân tích và đánh giá theo các tiêu chí và thang điểm đã xây dựng từ trước.

2.3.4. Phương pháp toán thống kê

Mục đích: Xử lí các số liệu thu thập được trong quá trình nghiên cứu.

Nội dung: Ở đề tài này chúng tôi sử dụng công thức tính phần trăm (%) để đánh giá số liệu nghiên cứu.

Cách tiến hành:

- + Quan sát hoạt động vui chơi (trò chơi đóng vai theo chủ đề) của trẻ kết hợp trò chuyện với giáo viên. Từ đó phân tích, đánh giá theo các tiêu chí và thang điểm đã chuẩn bị sẵn.

+ Xử lí số liệu thu thập được bằng toán thống kê (công thức tính phần trăm %) để có kết quả đánh giá chính xác.

Cách đánh giá: Dựa vào kết quả tính toán và đưa ra các đánh giá.

2.4. Tiêu chí đánh giá ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề

Căn cứ vào nhiệm vụ và giới hạn của đề tài, chúng tôi tập trung tìm hiểu một số nội dung cơ bản sau:

2.4.1. Vốn từ

2.4.1.1. Các tiêu chí đánh giá

Để đánh giá vốn từ chúng tôi dựa vào các tiêu chí đánh giá sau:

+ Số lượng từ thể hiện sắc thái xúc cảm – tình cảm vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên.

+ Lựa chọn và sử dụng từ phù hợp theo mẫu câu tiếng Việt và theo xúc cảm – tình cảm vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên.

+ Sự phong phú cơ cấu thể loại.

2.4.1.2. Cách đánh giá và thang điểm đánh giá

❖ Cách đánh giá

- Loại phù hợp:

+ Số lượng từ thể hiện sắc thái xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên nhiều.

+ Lựa chọn và sử dụng từ phù hợp theo mẫu câu và theo xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên.

+ Cơ cấu thể loại từ phong phú

- Loại lúc phù hợp lúc không phù hợp:

+ Số lượng từ thể hiện sắc thái xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên chưa nhiều nhiều.

+ Lựa chọn và sử dụng từ lúc phù hợp lúc không phù hợp theo mẫu câu và theo xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên.

+ Cơ cấu thể loại từ chưa phong phú

- Loại không phù hợp:

+ Số lượng từ thể hiện sắc thái xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên ít.

+ Lựa chọn và sử dụng từ không phù hợp theo mẫu câu và theo xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên.

+ Cơ cấu thể loại từ nghèo nàn

❖ Thang điểm đánh giá

- Số lượng từ thể hiện sắc thái xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên:

+ Nhiều: 3 điểm

+ Chưa nhiều: 2 điểm

+ Ít: 1 điểm

- Lựa chọn và sử dụng từ phù hợp theo mẫu câu và theo xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên:

+ Phù hợp: 3 điểm

+ Lúc phù hợp lúc không phù hợp: 2 điểm

+ Không phù hợp: 1 điểm

- Sự phong phú cơ cấu từ loại:

+ Phong phú : 3 điểm

+ Chưa phong phú: 2 điểm

+ Nghèo nàn: 1 điểm

2.4.1.3. Xếp loại

- Loại phù hợp: 7 – 9 điểm.

- Loại lúc phù hợp lúc không phù hợp: 4 – 6 điểm.

- Loại không phù hợp: 1 – 3 điểm.

2.4.2. Ngữ điệu

2.4.2.1. Các tiêu chí đánh giá

Để đánh giá ngữ điệu ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ 4 – 5 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề chúng tôi dựa vào các tiêu chí:

+ Giai điệu

+ Tốc độ

+ Nhịp độ

+ Âm sắc

2.4.2.2. Cách đánh giá và thang điểm đánh giá

❖ Cách đánh giá

- Loại phù hợp:

+ Nâng hoặc hạ giọng nói phù hợp làm cho giọng nói mang sắc thái khác nhau: thích thú, mềm mại, bất ngờ, gắt gỏng, lo lắng, buồn bã,...tránh lời nói đơn điệu (thay đổi cả cao độ và cường độ).

+ Tốc độ nhanh, chậm phù hợp với nội dung diễn đạt khi thể hiện các xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên.

+ Lời nói nhịp nhàng, tách bạch các từ, các âm tiết tạo nên sự vận động khúc triết phù hợp khi thể hiện các xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên.

+ Âm sắc của lời nói phù hợp thể hiện được xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên.

- Loại lúc phù hợp lúc không phù hợp:

+ Nâng hoặc hạ giọng nói lúc phù hợp lúc không phù hợp khi thể hiện các sắc thái khác nhau: thích thú, mềm mại, bất ngờ, gắt gỏng, lo lắng, buồn bã,...tránh lời nói đơn điệu (thay đổi cả cao độ và cường độ).

+ Tốc độ nhanh, chậm lúc phù hợp lúc không phù hợp với nội dung diễn đạt khi thể hiện các xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên.

+ Sự nhịp nhàng của lời nói, sự tách bạch các từ, các âm tiết lúc phù hợp lúc không phù hợp khi thể hiện các xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên.

+ Âm sắc của lời nói lúc phù hợp lúc không phù hợp khi thể hiện các xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên.

- Loại không phù hợp:

+ Nâng hoặc hạ giọng nói không phù hợp khi thể hiện các sắc thái khác nhau: thích thú, mềm mại, bất ngờ, gắt gỏng, lo lắng, buồn bã... tránh lời nói đơn điệu (thay đổi cả cao độ và cường độ).

+ Tốc độ nhanh, chậm không phù hợp với nội dung diễn đạt khi thể hiện các xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên.

+ Sự nhịp nhàng của lời nói, sự tách bạch các từ, các âm tiết không phù hợp khi thể hiện các xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên.

+ Âm sắc của lời nói không phù hợp khi thể hiện các xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên.

❖ Thang điểm đánh giá:

- Giai điệu:

+ Vui mừng:

• Nâng, hạ giọng nói phù hợp, thể hiện được sắc thái thích thú, sôi nổi: 3 điểm.

• Nâng, hạ giọng nói lúc phù hợp lúc không phù hợp khi thể hiện sắc thái thích thú, sôi nổi: 2 điểm.

- Nâng, hạ giọng nói không phù hợp khi thể hiện sắc thái thích thú, sôi nổi: 1 điểm.

+ Yêu thương:

- Nâng, hạ giọng phù hợp, thể hiện được các sắc thái mềm mại, êm ái: 3 điểm.

- Nâng, hạ giọng lúc phù hợp lúc không phù hợp khi thể hiện sắc thái mềm mại, êm ái: 2 điểm.

- Nâng, hạ giọng không phù hợp khi thể hiện sắc thái mềm mại, êm ái: 1 điểm.

+ Ngạc nhiên:

- Nâng, hạ giọng nói phù hợp, thể hiện được các sắc thái bất ngờ, đột ngột: 3 điểm.

- Nâng, hạ giọng nói lúc phù hợp lúc không phù hợp khi thể hiện sắc thái bất ngờ, đột ngột: 2 điểm.

- Nâng, hạ giọng nói không phù hợp khi thể hiện sắc thái bất ngờ, đột ngột: 1 điểm.

+ Tức giận:

- Nâng, hạ giọng nói phù hợp, thể hiện được sắc thái gắt gỏng, cáu bẳn: 3 điểm.

- Nâng, hạ giọng nói lúc phù hợp lúc không phù hợp khi thể hiện sắc thái gắt gỏng, cáu bẳn: 2 điểm

- Nâng, hạ giọng nói không phù hợp khi thể hiện sắc thái gắt gỏng, cáu bẳn: 1 điểm

+ Sợ hãi:

- Nâng hạ giọng nói phù hợp, thể hiện được sắc thái hoảng hốt, lo lắng, khiếp sợ: 3 điểm.

- Nâng hạ giọng nói lúc phù hợp lúc không phù hợp khi thể hiện sắc thái hoảng hốt, lo lắng, khiếp sợ: 2 điểm.

- Nâng hạ giọng nói không phù hợp khi thể hiện sắc thái hoảng hốt, lo lắng, khiếp sợ: 1 điểm.

- + Buồn đau:

- Nâng, hạ giọng nói phù hợp, thể hiện được sắc thái u sầu, buồn bã: 3 điểm.

- Nâng, hạ giọng nói lúc phù hợp lúc không phù hợp khi thể hiện sắc thái u sầu, buồn bã: 2 điểm.

- Nâng, hạ giọng nói không phù hợp khi thể hiện sắc thái u sầu, buồn bã: 1 điểm.

- Tốc độ:

- + Nhanh, chậm phù hợp với sự thể hiện cảm xúc vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên: 3 điểm.

- + Nhanh, chậm lúc phù hợp lúc không phù hợp với sự thể hiện xúc cảm vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên: 2 điểm.

- + Nhanh, chậm không phù hợp với sự thể hiện cảm xúc vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên: 1 điểm.

- Nhịp điệu:

- + Lời nói nhịp nhàng, tách bạch các từ, các âm tiết tạo nên sự vận động khúc triết phù hợp khi thể hiện các xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên: 3 điểm.

- + Sự nhịp nhàng của lời nói, sự tách bạch các từ, các âm tiết lúc phù hợp lúc không phù hợp khi thể hiện các xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên: 2 điểm.

+ Sự nhịp nhàng của lời nói, sự tách bạch các từ, các âm tiết không phù hợp khi thể hiện các xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên: 1 điểm.

- Âm sắc:

+ Âm sắc của lời nói phù hợp thể hiện được xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên: 3 điểm.

+ Âm sắc của lời nói lúc phù hợp lúc không phù hợp khi thể hiện xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên: 2 điểm.

+ Âm sắc của lời nói không phù hợp khi thể hiện xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên: 1 điểm.

2.4.2.3. Xếp loại

- Loại phù hợp: 19 – 27 điểm.

- Loại lúc phù hợp lúc không phù hợp: 10 – 18 điểm.

- Loại không phù hợp: 1 – 9 điểm.

2.4.3. Tính mạch lạc

2.4.3.1. Các tiêu chí đánh giá

Để đánh giá tính mạch lạc của ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ 4 – 5 tuổi tôi dựa vào các tiêu chí sau:

+ Diễn đạt lời nói thể hiện xúc cảm – tình cảm.

+ Sự liên kết nội dung và liên kết hình thức của lời nói thể hiện xúc cảm – tình cảm.

2.4.3.2. Cách đánh giá và thang điểm đánh giá:

❖ Cách đánh giá:

- Loại phù hợp:

+ Diễn đạt lời nói đúng, rõ ràng, ngắt nghỉ đúng chỗ, giọng nói có sắc thái biểu cảm, người nghe dễ nhận ra xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, sợ hãi, yêu thương, ngạc nhiên.

+ Sự liên kết nội dung và liên kết hình thức của lời nói phù hợp khi thể hiện xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, sợ hãi, yêu thương, ngạc nhiên.

- Loại lúc phù hợp lúc không phù hợp:

+ Diễn đạt lời nói đúng, rõ ràng, ngắt nghỉ đúng chỗ.

+ Sự liên kết nội dung và liên kết hình thức của lời nói lúc phù hợp lúc không phù hợp khi thể hiện xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, sợ hãi, yêu thương, ngạc nhiên.

- Loại không phù hợp:

+ Diễn đạt lời nói chưa đúng, chưa rõ ràng, khó hiểu.

+ Sự liên kết nội dung và liên kết hình thức của lời nói không phù hợp khi thể hiện xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, sợ hãi, yêu thương, ngạc nhiên.

❖ Thang điểm đánh giá:

- Diễn đạt lời nói thể hiện xúc cảm – tình cảm:

+ Diễn đạt lời nói đúng, rõ ràng, ngắt nghỉ đúng chỗ, giọng nói có sắc thái biểu cảm, người nghe dễ nhận ra xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên: 3 điểm.

+ Diễn đạt lời nói đúng, rõ ràng, ngắt nghỉ đúng chỗ: 2 điểm.

+ Diễn đạt lời nói chưa đúng, chưa rõ ràng, khó hiểu: 1 điểm.

- Sự liên kết nội dung và liên kết hình thức của lời nói thể hiện xúc cảm – tình cảm:

+ Sự liên kết nội dung và liên kết hình thức của lời nói phù hợp khi thể hiện xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, sợ hãi, yêu thương, ngạc nhiên: 3 điểm.

+ Sự liên kết nội dung và liên kết hình thức của lời nói lúc phù hợp lúc không phù hợp khi thể hiện xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, sợ hãi, yêu thương, ngạc nhiên: 2 điểm.

+ Sự liên kết nội dung và liên kết hình thức của lời nói không phù hợp khi thể hiện xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, sợ hãi, yêu thương, ngạc nhiên: 1 điểm.

2.4.3.3. Xếp loại

- Loại phù hợp: 5 – 6 điểm.
- Loại lúc phù hợp lúc không phù hợp: 3 – 4 điểm.
- Loại không phù hợp: 1 – 2 điểm.

2.4.4. Đánh giá chung ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi thông qua trò chơi đóng vai theo chủ đề:

Đặc điểm xúc cảm – tình cảm của trẻ trong trò chơi đóng vai theo chủ đề được đánh giá qua 3 tiêu chí sau:

- + Vốn từ
- + Ngữ điệu
- + Tính mạch lạc

2.4.4.1. Cách đánh giá

Để đánh giá khả năng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ trong trò chơi đóng vai theo chủ đề của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi căn cứ vào các tiêu chí, cách đánh giá và thang điểm đánh giá ở trên ta có thể phân thành 3 mức độ:

- Mức độ ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm trong trò chơi đóng vai theo chủ đề phù hợp:

+ Nâng, hạ giọng nói; tốc độ lời nói nhanh, chậm; sự nhịp nhàng của lời nói và âm sắc phù hợp thể hiện được sắc thái xúc cảm – tình cảm.

+ Số lượng từ nhiều, thể loại phong phú và sử dụng từ phù hợp theo mẫu câu và theo các xúc cảm – tình cảm.

+ Diễn đạt lời nói đúng, rõ ràng, ngắt nghỉ đúng chỗ, giọng nói có sắc thái biểu cảm, người nghe dễ nghe, dễ nhận ra các xúc cảm – tình cảm. Sự

liên kết nội dung và liên kết hình thức phù hợp khi thể hiện xúc cảm – tình cảm.

- Mức độ ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm trong trò chơi đóng vai theo chủ đề lúc phù hợp lúc không phù hợp.

+ Nâng, hạ giọng nói; tốc độ lời nói nhanh, chậm; sự nhịp nhàng của lời nói và âm sắc lúc phù hợp lúc không phù hợp khi thể hiện các sắc thái xúc cảm – tình cảm.

+ Số lượng từ chưa nhiều, chưa phong phú và sử dụng từ lúc phù hợp lúc không phù hợp khi thể hiện xúc cảm – tình cảm.

+ Diễn đạt lời nói đúng, rõ ràng, ngắt nghỉ đúng chỗ. Sự liên kết nội dung và liên kết hình thức lúc phù hợp lúc không phù hợp khi thể hiện xúc cảm – tình cảm.

- Mức độ ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm trong trò chơi đóng vai theo chủ đề không phù hợp:

+ Nâng, hạ giọng nói; tốc độ lời nói nhanh, chậm; sự nhịp nhàng của lời nói và âm sắc không phù hợp khi thể hiện các sắc thái xúc cảm – tình cảm.

+ Số lượng từ ít, thể loại từ nghèo nàn và sử dụng từ không phù hợp theo mẫu câu và theo các xúc cảm – tình cảm.

+ Diễn đạt lời nói chưa đúng, chưa rõ ràng, khó hiểu. Sự liên kết nội dung và liên kết hình thức không phù hợp khi thể hiện xúc cảm – tình cảm.

2.4.4.2. Thang điểm đánh giá

Căn cứ vào thang điểm đánh giá của từng tiêu chí trên ta có thang điểm tổng hợp sau:

- Loại phù hợp: 29 – 42 điểm.

- Loại lúc phù hợp lúc không phù hợp: 15 – 28 điểm.

- Loại không phù hợp: 3 – 14 điểm.

Kết luận chương 2

Việc nghiên cứu ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo nhỡ trong trò chơi đóng vai theo chủ đề là một vấn đề tương đối khó. Chúng tôi đã tìm hiểu thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo nhỡ trong trò chơi đóng vai theo chủ đề tại lớp mẫu giáo B1 trường mầm non Sao Mai – Đông Anh – Hà Nội. Quá trình nghiên cứu này được thực hiện 1 cách kiên trì, bền bỉ, áp dụng các phương pháp, biện pháp nghiên cứu phong phú, đa dạng kết hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp một cách chặt chẽ.

Để thực hiện các nội dung nghiên cứu lí luận và thực tiễn, chúng tôi đã sử dụng đồng bộ, hợp lí các phương pháp khác nhau với từng nội dung như sau:

Với nội dung nghiên cứu lí luận: Chúng tôi sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích các tài liệu lí luận có liên quan đến ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo nói chung và trẻ mẫu giáo nhỡ nói riêng.

Với nội dung nghiên cứu thực trạng: Chúng tôi sử dụng phương pháp quan sát là phương pháp chính đồng thời kết hợp với phương pháp trò chuyện với giáo viên để tìm hiểu thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo nhỡ thông qua trò chơi đóng vai theo chủ đề.

Việc nghiên cứu này dựa trên cơ sở lựa chọn các phương pháp nghiên cứu tâm lí hợp lí, các thức nghiên cứu phù hợp với đối tượng nghiên cứu và khách thể nghiên cứu là trẻ mẫu giáo nhỡ.

CHƯƠNG 3

KẾT QUẢ TÌM HIỂU THỰC TRẠNG NGÔN NGỮ THỂ HIỆN XÚC CẢM – TÌNH CẢM CỦA TRẺ MẪU GIÁO NHỠ TRONG TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI THEO CHỦ ĐỀ

3.1. Vài nét về khách thể nghiên cứu

3.1.1. Vài nét về trường Mầm non Sao Mai – Đông Anh – Hà Nội

Trường mầm non Sao Mai là một trường công lập ở thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, ngoại thành thành phố Hà Nội. Trường đạt chuẩn quốc gia và luôn là trường điểm của ngành giáo dục mầm non huyện Đông Anh.

Trải qua quá trình xây dựng, trường thành và phát triển trường Mầm non Sao Mai đã không ngừng phát triển về cả số lượng và chất lượng. Hiện nhà trường có tổng số 13 nhóm, lớp với 610 trẻ với 74 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Cơ sở vật chất, các trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giảng dạy đều tốt. Để đạt được những thành công này phải kể đến những đóng góp của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường, cũng như được sự ủng hộ từ các bậc phụ huynh và chính quyền địa phương.

3.1.2. Vài nét về khách thể nghiên cứu

Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài này chúng tôi nghiên cứu trên 40 trẻ ở lớp mẫu giáo nhỡ B1 tại trường Mầm non Sao Mai – Đông Anh – Hà Nội. Cụ thể chúng tôi nghiên cứu trên 20 trẻ nam và 20 trẻ nữ tại lớp mẫu giáo nhỡ B1.

Lớp mẫu giáo nhỡ B1 có 47 trẻ, chúng tôi tiến hành nghiên cứu ngẫu nhiên trên 40 trẻ. Lớp có 4 giáo viên với trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong giảng dạy, trẻ tại lớp B1 khá hoạt bát tham gia các hoạt động của lớp, trường và hứng thú với hoạt động vui chơi đặc biệt với trò chơi đóng vai theo chủ đề.

3.2. Thực trạng xây dựng nội dung và tổ chức trò chơi đóng vai theo chủ đề ở các trường mầm non hiện nay

Trong thực tế hiện nay nhiều trường mầm non coi hoạt động vui chơi nói chung và trò chơi đóng vai theo chủ đề nói riêng là hoạt động thứ yếu, chưa đặt nó vào đúng vị trí là hoạt động chủ đạo của trẻ mầm non. Giáo viên coi trọng tổ chức tiết học hơn là tổ chức trò chơi cho trẻ, hoạt động vui chơi được tổ chức sau giờ học, coi như là trò chơi giải trí sau giờ học. Giáo viên còn áp đặt chủ đề, nội dung chơi, vai chơi, bạn chơi, hành động chơi hoặc để trẻ chơi tự do mà không có sự hướng dẫn của giáo viên. Đây là một hiện tượng khá phổ biến ở các trường mầm non hiện nay.

3.2.1. Thực trạng lập kế hoạch và tổ chức trò chơi đóng vai theo chủ đề ở trường Mầm non Sao Mai

Xây dựng kế hoạch được coi là khâu đầu tiên của tiến trình tổ chức, hướng dẫn trò chơi cho trẻ. Công việc này được các nhà giáo dục coi là điều kiện tiên quyết đảm bảo sự phát triển thường xuyên có hệ thống hoạt động vui chơi của trẻ, đặc biệt có vai trò định hướng của các thao tác giáo dục. Trong thực tế cũng vậy, nếu kế hoạch được lập ra tỉ mỉ đúng đắn thì thực hiện mới thành công được. Trong giáo dục càng cần xác định rõ điều đó.

Qua khảo sát thực tế về việc lập kế hoạch tổ chức trò chơi đóng vai theo chủ đề của 45 giáo viên trường mầm non Sao Mai chúng tôi thu được kết quả sau:

***Bảng 1: Kết quả tìm hiểu thực trạng việc lập kế hoạch tổ chức trò chơi ĐVTCD của giáo viên trường Mầm non Sao Mai**

Mức độ lập kế hoạch tổ chức trò chơi ĐVTCD	Số giáo viên	Tỷ lệ (%)
Chưa bao giờ lập kế hoạch tổ chức, hướng dẫn trẻ chơi.	8	17,8
Có xây dựng kế hoạch nhưng sơ sài và không thường xuyên	24	53,3
Xây dựng kế hoạch chi tiết, đảm bảo chất lượng thực hiện	13	28,9

Nhìn vào bảng số liệu trên ta thấy:

- 17,8 % giáo viên chưa bao giờ lập kế hoạch tổ chức, hướng dẫn trẻ chơi.
- 53,3 giáo viên có xây dựng kế hoạch nhưng không thường xuyên, nội dung kế hoạch sơ sài chỉ nêu tên chủ đề chơi, các góc chơi và nhân vật chơi mà ít thông tin giá trị, cách tiếp cận chủ đề chơi, những thao tác các vai chơi chưa được định hướng nhiều. Trẻ chơi chủ yếu dựa trên kinh nghiệm đã có.
- 28,9 % giáo viên xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng thực hiện, sự đầu tư nghiêm túc về khâu chuẩn bị đồ chơi, khâu giám sát hướng dẫn thực hiện trò chơi.

3.2.2. Thực trạng về tạo môi trường chơi cho trẻ

Môi trường chơi: Không gian chơi, phương tiện, điều kiện vật chất phục vụ và bầu không khí tâm lý thoải mái trong quá trình chơi.

Qua khảo sát thực tế cho thấy các góc chơi ở trường mầm non được trang trí thiên về mục đích làm nổi bật tên chủ đề, chứ chưa chú ý nhiều đến giá trị sử dụng, chưa tạo điều kiện cho trẻ thiết lập mối quan hệ khi chơi.

3.2.3. Mức độ tích lũy kinh nghiệm làm sống lại kinh nghiệm của trẻ trong trò chơi

*** Bảng 2: Bảng kết quả tìm hiểu thực trạng tích lũy kinh nghiệm của giáo viên làm sống lại kinh nghiệm của trẻ trong trò chơi.**

Mức độ tích lũy kinh nghiệm làm sống lại kinh nghiệm của trẻ trong trò chơi	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Thường xuyên quan tâm đến việc tích lũy kinh nghiệm, tìm tòi các biện pháp khác nhau	16	35,6
Không thực hiện việc tích lũy kinh nghiệm, tìm tòi các biện pháp khác nhau	21	46,7
Chưa đánh giá đúng vai trò của bản thân trong khi hướng dẫn trẻ chơi	8	17,8

Nhìn vào bảng số liệu ta thấy:

- 35,6 % số giáo viên thường xuyên quan tâm đến việc tích lũy kinh nghiệm, tìm tòi các biện pháp khác nhau trong hướng dẫn trẻ chơi.

- 46,7 % số giáo viên chưa đánh giá đúng vai trò bản thân trong khi hướng dẫn trẻ chơi dẫn đến nội dung chơi còn nghèo nàn, hoạt động chơi còn đơn điệu, hứng thú chơi không bền, khả năng sáng tạo của trẻ bị hạn chế.

- 17,8 % số giáo viên không thực hiện việc tích lũy kinh nghiệm và tìm tòi các biện pháp khi hướng dẫn trẻ chơi.

3.2.4. Thực trạng quy trình tổ chức hướng dẫn trẻ chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề

Bảng 3: Kết quả tìm hiểu thực trạng quy trình tổ chức hướng dẫn trẻ chơi trong trò chơi ĐVTCD

Mức độ thực hiện quy trình tổ chức hướng dẫn trẻ chơi trong trò chơi ĐVTCD	Số lượng	Tỷ lệ
Thực hiện không theo một quy trình nào, để trẻ chơi tự do không có định hướng, giáo viên không tham gia	7	15,6
Thực hiện rập khuôn, máy móc theo quy trình đã xây dựng	23	51,1
Thực hiện theo quy trình hợp lí, không áp đặt, máy móc khi hướng dẫn trẻ chơi	15	33,3

Nhìn vào bảng số liệu trên ta thấy:

- 15,6 % số giáo viên thực hiện không theo một quy trình nào, để trẻ chơi tự do không có định hướng, giáo viên không tham gia.

- 51,1 % số giáo viên thực hiện đập khuôn, máy móc theo quy trình đã xây dựng.

- 33,3 % số giáo viên cho trẻ chơi theo quy trình hợp lí, giáo viên vừa định hướng chủ đề chơi, vừa khuyến khích trẻ đưa ra ý tưởng trong sự lựa chọn trò chơi, vai chơi. Hướng dẫn trẻ chơi đúng cách, không áp đặt, có quan sát và định hướng thường xuyên cho trẻ trong khi trẻ chơi để trẻ không bị lạc hướng, không gây rắc rối cho các bạn cùng chơi.

Dưới đây là 2 giáo án:

• **Giáo án soạn sơ sài**

Chủ đề: Nghề nghiệp

Các góc chơi và nội dung chơi:

- Góc phân vai: Đóng vai bác sĩ, cô giáo...
- Góc xây dựng: Xây dựng trường học, công viên
- Góc tạo hình: Vẽ chân dung cô giáo
- Góc âm nhạc: Hát và vận động theo các bài hát trong chủ đề.
- Góc sách truyện: Xem tranh, ảnh các nghề

Tiến hành

- Gọi trẻ đến bên cô.
- Hỏi trẻ đang học chủ đề gì?
- Cho trẻ nhận góc chơi và về góc.
- Cô quan sát, bao quát cả lớp khi chơi. Nếu xảy ra tình huống bất ngờ thì cô giải quyết kịp thời

- Cô nhận xét các góc chơi
- Cô cho trẻ cất đồ chơi và hát “Cất đồ chơi”

• **Giáo án soạn tỉ mỉ, chi tiết:**

Chủ đề: Thế giới thực vật

Các góc chơi và nội dung chơi:

- Góc xây dựng: Xây vườn hoa, công viên
- Góc tạo hình: Xé dán hoa (góc trọng tâm)
- Góc phân vai: Bán hàng
- Góc âm nhạc: Hát và vận động theo các bài hát trong chủ điểm :

Quả, em yêu cây xanh, màu hoa...

- Góc sách truyện: Xem tranh, ảnh về các loại rau, củ, quả..

Đối tượng: Trẻ 4 – 5 tuổi

Thời gian: 30 – 35 phút

Người dạy:

1. Mục đích, yêu cầu:

Kiến thức:

- Trẻ biết sử dụng các loại nguyên, vật liệu khác nhau để xây dựng vườn hoa, công viên.
- Trẻ biết nhập vai và thể hiện đúng vai chơi của mình.
- Trẻ biết xé, dán hoa.
- Trẻ biết hát các bài hát và đọc diễn cảm các bài thơ trong chủ điểm thực vật đã học.

Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng xé dán, kỹ năng đóng vai, kỹ năng giao tiếp giữa các bạn trong nhóm, liên kết giữa các nhóm chơi.
- Rèn cách biểu đạt ngôn ngữ với bạn chơi. Kỹ năng tham gia chơi các trò chơi đúng cách.

Thái độ:

- Trẻ hứng thú tham gia các trò chơi.
- Trẻ đoàn kết trong khi chơi, biết nhường nhịn và giúp đỡ bạn bè.

2. Chuẩn bị:

- Nhà, gạch, cây xanh, cây hoa, cầu trượt, xích đu....để xây công viên và vườn hoa.

- Giấy A4, giấy màu, keo dán, khăn ướt, đĩa

- Đồ làm bếp: xoong, chảo, thìa, đĩa, rau, củ, quả...

- Tranh ảnh về các loại rau, củ, quả...

3. Tiến hành:

Thỏa thuận chơi:

- Cô gọi trẻ đến bên cô. Hỏi trẻ đang học chủ đề gì?

- Hôm nay cô đã bỏ sung rất nhiều đồ chơi ở các góc, chúng mình cùng cô lại xem các góc có những đồ chơi gì nhé!

- Tại góc xây dựng, lắp ghép

+ Đây là góc chơi gì?

+ Có những đồ chơi gì?

+ Hãy xây dựng công viên, vườn hoa thật là đẹp nào?

- Tại góc nghệ thuật - tạo hình

+ Các con thấy gì?

+ Hãy xé dán các bông hoa thật là đẹp nào?

- Tại góc học tập

+ Ở góc này con thấy gì?

+ Lát nữa chúng mình cùng xem tranh ảnh để biết thêm về các loại rau, củ, quả nhé!

- Tại góc phân vai

+ Có những đồ chơi gì đây các con?

+ Dùng để làm gì?

+ Hãy đóng vai làm bác đầu bếp để nấu những món ăn thật ngon nhé!

- Bây giờ ai thích chơi ở góc nào thì nhẹ nhàng đi về góc đó để chơi nhé!

- Giáo dục trẻ khi chơi phải đoàn kết, hòa thuận, không tranh giành, giữ gìn đồ chơi.

Quá trình chơi.

- Trẻ chọn góc chơi của mình và thỏa thuận vai chơi.

- Cô đến từng góc chơi, hướng dẫn trẻ sáng tạo khi chơi.

- Góc xây dựng

+ Các bác xây gì đây?

+ Nên thêm xích đu, cầu trượt vào công viên nhé!

+ Xây khu để xe

+ Cô gợi ý cho trẻ nếu trẻ gặp lúng túng

- Góc học tập

+ Lật sách vở như thế nào?

+ Các con nhìn thấy gì?

+ Hãy tự kể chuyện về tranh ảnh của các con đi?

- Góc phân vai

+ Con chơi gì đây?

+ Các bác đầu bếp nấu gì?

+ Các bác nấu như thế nào?

- Góc nghệ thuật - tạo hình

+ Con chơi gì đây?

+ Con xé dán hoa gì đây?

+ Tạo tình huống để nhận xét, rút kinh nghiệm cho trẻ.

Nhận xét các góc chơi

- Cô đến từng góc nhận xét

Kết thúc

- Cô nhận xét, động viên, khuyến khích trẻ

- Cho trẻ cất đồ chơi

3.3. Kết quả tìm hiểu thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề

Qua quá trình quan sát thực tế hoạt động vui chơi (trò chơi đóng vai theo chủ đề) của trẻ kết hợp với phương pháp trò chuyện với giáo viên và đánh giá trên 3 tiêu chí: Vốn từ, ngữ điệu, tính mạch lạc của ngôn ngữ trên 40 trẻ của lớp mẫu giáo nhỡ B1 tại trường Mầm non Sao Mai – Đông Anh – Hà Nội, chúng tôi thu được kết quả sau:

3.3.1. Kết quả chung

Thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề được thể hiện qua bảng kết quả sau:

Bảng 4: Kết quả tìm hiểu thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề

Mức độ	PH		Lúc PH lúc KPH		KPH	
	SL	%	SL	%	SL	%
Thực trạng ngôn ngữ thể hiện XC – TC						
Cả 3 tiêu chí	27	67,5	10	25	3	7,5

Nhìn vào bảng số liệu trên, ta thấy ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi không như nhau thể hiện ở 3 mức độ: Phù hợp, lúc phù hợp lúc không phù hợp và không phù hợp.

+ Số trẻ có ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm trong trò chơi đóng vai theo chủ đề đạt mức độ phù hợp là cao nhất chiếm 67,5% (27 trẻ). Trẻ ở mức độ này: Nâng, hạ giọng nói; tốc độ lời nói nhanh, chậm, sự nhịp nhàng

của lời nói và âm sắc phù hợp thể hiện được các sắc thái xúc cảm – tình cảm. Số lượng từ nhiều, thể loại phong phú, sử dụng phù hợp theo các mẫu câu và theo các xúc cảm – tình cảm. Diễn đạt lời nói đúng, rõ ràng, ngắt nghỉ đúng chỗ, giọng nói có sắc thái biểu cảm, người nghe dễ nhận ra các xúc cảm – tình cảm. Sự liên kết nội dung và liên kết hình thức phù hợp khi thể hiện xúc cảm – tình cảm.

Chẳng hạn:

Ở góc xây dựng, Minh Thành, Tô Quang Minh và Trung Kiên xây dựng công viên cây xanh. Trong khi Minh Thành và Tô Quang Minh đang hăng hái chuyên gạch và xây công viên thì Trung Kiên lại đồ tung đồng đồ chơi cầu trượt, xích đu... bày lung tung, xếp chồng lên nhau. Trung Kiên Mặt mày hớn hờ, tỏ ra rất thích thú vừa làm vừa nói “Tớ sẽ xây khu vui chơi thật là đẹp”, giọng hào hứng. Minh Thành nhìn thấy liền thái độ tức giận, mặt mày nhăn nhó, lông mày cau lại; giọng nói gắt gỏng, câu bản, giọng nói cao: “Cậu xếp lung tung hết rồi”, “Cậu không biết xây công viên à?”

Ở góc phân vai: Lan Hương, Mai Anh, Phương Linh đóng vai làm bác sĩ và các bệnh nhân. Lan Hương ánh mắt trù mến, nói giọng đầy yêu thương nói với Mai Anh: “Nào, Mai Anh ngoan, ngồi xuống đây bác khám cho nào”, đeo ống nghe và khám cho Mai Anh “Mai Anh bị ốm rồi, phải uống thuốc vào nhé!”.

+ Số trẻ có ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm trong trò chơi đóng vai theo chủ đề đạt mức độ lúc phù hợp lúc không phù hợp đạt mức độ trung bình chiếm 25% (10 trẻ). Những trẻ này nâng, hạ giọng nói; tốc độ lời nói nhanh, chậm, sự nhịp nhàng của lời nói và âm sắc lúc phù hợp lúc không phù hợp khi thể hiện các sắc thái xúc cảm – tình cảm. Số lượng từ chưa nhiều, thể loại chưa phong phú, sử dụng từ lúc phù hợp, lúc không phù hợp theo mẫu câu và theo các

xúc cảm – tình cảm. Diễn đạt lời nói đúng, rõ ràng, ngắt nghỉ đúng chỗ. Sự liên kết nội dung và liên kết hình thức lúc phù hợp lúc không phù hợp.

Chẳng hạn:

Bình Chi đang chơi ở góc tạo hình chạy sang góc phân vai hai tay ôm bụng, mặt mày hớn hờ “Ôi! Tôi đau bụng quá! Bác sĩ khám cho tôi với”. Mai Anh khám cho Bình Chi cau mày như đang suy nghĩ, gật gật rồi nói “Bác bị ốm rồi để tôi cho thuốc”. Bình Chi vẻ mặt lo lắng, giọng nói thấp “Tôi có bị nặng không bác sĩ”, Mai Anh cười, lắc đầu và nói to “Không sao, cứ uống thuốc là khỏi”. Bình Chi cười tí mắt.

+ Số trẻ có ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm trong trò chơi đóng vai theo chủ đề đạt mức độ không phù hợp là thấp nhất chiếm 7,5 % (3 trẻ). Trẻ nâng, hạ giọng nói; tốc độ lời nói nhanh, chậm; sự nhịp nhàng của lời nói và âm sắc không phù hợp khi thể hiện các xúc cảm – tình cảm. Số lượng từ ít, thể loại từ nghèo nàn và sử dụng từ không phù hợp theo các mẫu câu và theo các xúc cảm – tình cảm. Diễn đạt lời nói chưa đúng, chưa rõ ràng, khó hiểu. Sự liên kết nội dung và liên kết hình thức không phù hợp, rời rạc.

Chẳng hạn:

Minh Ánh chơi ở góc nấu ăn, đang rất hào hứng chế biến và trình bày những món ăn. Thanh Vân đi chợ về làm đồ hết rau, củ, quả ra sàn nhà. Minh Ánh nhìn thấy cười to rất thích thú và chỉ tay về phía Thanh Vân. Trước những xúc cảm – tình cảm của bản thân, Minh Ánh hay thể hiện bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, tư thế hơn là ngôn ngữ nói.

3.3.2. Kết quả tìm hiểu thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề so sánh theo từng tiêu chí

Thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 5: Kết quả tìm hiểu thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề so sánh theo từng tiêu chí

Mức độ Tiêu chí	PH		Lúc PH lúc KPH		KPH	
	SL	%	SL	%	SL	%
Vốn từ	26	65	11	27.5	3	7.5
Ngữ điệu	27	67.5	10	25	3	7.5
Tính mạch lạc	23	57.5	13	32,5	4	10

Nhìn vào bảng số liệu, nhận thấy có sự chênh lệch về ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề giữa các tiêu chí, cụ thể:

+ Ở mức độ phù hợp:

Số trẻ có ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm trong trò chơi đóng vai theo chủ đề đạt mức độ phù hợp với tiêu chí ngữ điệu là cao nhất chiếm 67,5 % (27 trẻ). Trẻ ở nhóm này nâng, hạ giọng nói phù hợp làm cho giọng nói mang sắc thái khác nhau. Tốc độ nhanh, chậm phù hợp với nội dung diễn đạt khi thể hiện xúc cảm – tình cảm. Lời nói nhịp nhàng, tách bạch các từ, các âm tiết tạo nên sự vận động khúc triết phù hợp khi thể hiện xúc cảm – tình cảm. Âm sắc của lời nói phù hợp thể hiện được các xúc cảm – tình cảm.

Trẻ đạt mức độ phù hợp ở tiêu chí tính mạch lạc là thấp nhất chiếm 57,5 % (23 trẻ). Trẻ ở nhóm này diễn đạt lời nói đúng, rõ ràng, ngắt nghỉ đúng chỗ, giọng nói có sắc thái biểu cảm, người nghe dễ nhận ra các xúc cảm – tình

cảm. Sự liên kết nội dung và hình thức của lời nói phù hợp khi thể hiện xúc cảm – tình cảm.

Chẳng hạn:

Ở góc gia đình, Quỳnh Anh đóng vai em út trong gia đình. Quỳnh Anh một tay ẵm em búp bê vào lòng, một tay cầm thìa bột và thổi cho em búp bê ăn và nói với Lan Hương đóng vai chị cả bằng giọng nhẹ nhàng, êm ái: “Chị ơi em bé ăn ngoan không này chị này”. Lan Hương quay sang nói giọng cao, giọng điệu thể hiện sắc thái bất ngờ, yêu thương: “Em còn chưa tắm cơ mà. Phải cho em tắm đã rồi mới cho em ăn chứ.” Lan Hương đưa tay ra đỡ búp bê nói giọng êm ái, nhẹ nhàng: “Nào, bé ngoan ra chị tắm cho nào”. Quỳnh Anh dỗ dành búp bê “em bé tắm đi rồi chị cho đi chơi nhé”, nét mặt yêu thương, trong sáng.

+ Ở mức độ lúc phù hợp lúc không phù hợp:

Số trẻ có ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm trong trò chơi đóng vai theo chủ đề đạt mức độ lúc phù hợp lúc không phù hợp ở tiêu chí tính mạch lạc là cao nhất chiếm 32,5 % (13 trẻ). Trẻ ở mức độ này diễn đạt lời nói đúng, rõ ràng, ngắt nghỉ đúng chỗ; sự liên kết nội dung và liên kết hình thức lúc phù hợp lúc không phù hợp khi thể hiện các xúc cảm – tình cảm.

Số trẻ có ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm trong trò chơi đóng vai theo chủ đề đạt mức độ lúc phù hợp lúc không phù hợp ở tiêu chí ngữ điệu là thấp nhất chiếm 25%. Trẻ ở mức độ này nâng hạ giọng nói lúc phù hợp lúc không phù hợp khi thể hiện các sắc thái khác nhau. Tốc độ nhanh, chậm lúc phù hợp lúc không phù hợp với nội dung diễn đạt khi thể hiện các xúc cảm – tình cảm.

Sự nhịp nhàng của lời nói; sự tách bạch các từ, âm tiết lúc phù hợp lúc không phù hợp khi thể hiện các xúc cảm – tình cảm. Âm sắc của lời nói lúc phù hợp lúc không phù hợp khi thể hiện xúc cảm – tình cảm.

Chẳng hạn:

Thái Sơn và Trung Kiên tranh nhau đóng vai bác sĩ. Thái Sơn tỏ ra tức giận, cau mày, la hét: “Tớ làm bác sĩ” “Trả ống nghe cho tớ”, giọng điệu lời nói thể hiện sự tức giận, cáu bẳn; chân tay dòn hết sức để giật lấy chiếc ống nghe về phía mình. Trung Kiên thì tỏ ra rất vui vẻ, thích thú khi tranh nhau chiếc ống nghe với Thái Sơn, vừa tranh ống nghe vừa nói “Tớ làm bác sĩ, ống nghe của tớ”, giọng điệu vui vẻ, thích thú. Khi Thái Sơn lấy được chiếc ống nghe và không đưa cho Trung Kiên thì Trung Kiên lại tỏ ra buồn bã, mặt mày ủ rũ không nói gì và đi sang góc khác chơi.

+ Ở mức độ không phù hợp:

Số trẻ có ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm trong trò chơi đóng vai theo chủ đề đạt mức độ không phù hợp ở tiêu chí tính mạch lạc là cao nhất chiếm 10% (4 trẻ). Trẻ này diễn đạt lời nói chưa đúng, chưa rõ ràng, khó hiểu. Sự liên kết nội dung và liên kết hình thức của lời nói chưa phù hợp khi thể hiện xúc cảm – tình cảm.

Số trẻ có ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm trong trò chơi đóng vai theo chủ đề đạt mức độ không phù hợp thấp hơn ở tiêu chí vốn từ và ngữ điệu đều chiếm 7,5 % (3 trẻ). Những trẻ này có số lượng từ ít, thể loại từ nghèo nàn; nâng, hạ giọng nói không phù hợp khi thể hiện các xúc cảm – tình cảm khác nhau; tốc độ lời nói nhanh, chậm không phù hợp với nội dung diễn đạt khi thể hiện xúc cảm – tình cảm; sự nhịp nhàng của lời nói, sự tách bạch các từ, âm tiết không phù hợp khi thể hiện xúc cảm – tình cảm.

Chẳng hạn:

Đức Anh đang chơi ở góc xây dựng bỗng chạy sang bên góc nấu ăn nói với Quỳnh Anh với giọng nói thích thú, vui vẻ “Tôi đói quá cho tôi một bát mì”. Quỳnh Anh đưa bát mì cho Đức Anh nói với giọng điệu khó chịu, cau có “Đây, của bác đây, ăn đi”. Đức Anh ăn xong trả bát cho Quỳnh Anh rồi chạy

sang góc Lan Hương đang đóng bác sĩ mặt mày hơn hờ, vui vẻ nói “Tôi bị ốm rồi, khám cho tôi với”.

3.3.3. Kết quả tìm hiểu thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề so sánh theo giới tính

Thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề so sánh theo giới tính được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 6: Kết quả tìm hiểu thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 - 5 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề so sánh theo giới tính

Mức độ Tiêu chí	PH		Lúc PH lúc KPH		KPH	
	SL	%	SL	%	SL	%
Nữ	13	65	6	30	1	5
Nam	14	70	4	20	2	10

Nhìn vào bảng số liệu nhận thấy có sự chênh lệch về ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề giữa trẻ nam và trẻ nữ. Tuy nhiên, sự chênh lệch này không nhiều, biểu hiện:

+ Ở mức độ phù hợp: Trẻ nữ chiếm 65 % (13 trẻ), trẻ nam chiếm 70 % (14 trẻ). Cả trẻ nam và trẻ nữ ở mức độ này đều nâng, hạ giọng nói; tốc độ lời nói nhanh, chậm, sự nhịp nhàng của lời nói và âm sắc phù hợp thể hiện được các sắc thái xúc cảm – tình cảm. Số lượng từ nhiều, thể loại phong phú, sử dụng phù hợp theo các mẫu câu và theo các xúc cảm – tình cảm. Diễn đạt lời

nói đúng, rõ ràng, ngắt nghỉ đúng chỗ, giọng nói có sắc thái biểu cảm, người nghe dễ nhận ra các xúc cảm – tình cảm. Sự liên kết nội dung và liên kết hình thức phù hợp khi thể hiện xúc cảm – tình cảm.

+ Ở mức độ lúc phù hợp lúc không phù hợp: Trẻ nữ chiếm 30 % (6 trẻ), trẻ nam chiếm 20 % (4 trẻ). Cả trẻ nam và trẻ nữ ở mức độ này nâng, hạ giọng nói; tốc độ lời nói nhanh, chậm, sự nhịp nhàng của lời nói và âm sắc lúc phù hợp lúc không phù hợp khi thể hiện các sắc thái xúc cảm – tình cảm. Số lượng từ chưa nhiều, thể loại chưa phong phú, sử dụng từ lúc phù hợp, lúc không phù hợp theo mẫu câu và theo các xúc cảm – tình cảm. Diễn đạt lời nói đúng, rõ ràng, ngắt nghỉ đúng chỗ. Sự liên kết nội dung và liên kết hình thức lúc phù hợp lúc không phù hợp.

+ Ở mức độ không phù hợp: Trẻ nữ chiếm 5 % (1 trẻ), trẻ nam chiếm 10 % (2 trẻ). Cả trẻ nam và trẻ nữ ở mức độ này đều nâng, hạ giọng nói; tốc độ lời nói nhanh, chậm; sự nhịp nhàng của lời nói và âm sắc không phù hợp khi thể hiện các xúc cảm – tình cảm. Số lượng từ ít, thể loại từ nghèo nàn và sử dụng từ không phù hợp theo các mẫu câu và theo các xúc cảm – tình cảm. Diễn đạt lời nói chưa đúng, chưa rõ ràng, khó hiểu. Sự liên kết nội dung và liên kết hình thức không phù hợp, rời rạc.

Chẳng hạn:

Tại góc bán hàng, Uyên Nhi đóng vai chủ cửa hàng bách hóa. Khi có người đến mua hàng, bé mời chào khách hàng với giọng điệu hào hứng, sôi nổi: “Bác muốn mua gì nào? Bác nua rau nhé tôi bán rẻ cho?”, gương mặt tươi tắn, rạng rỡ. Người mua hàng nói: “Bán cho tôi 2 củ su hào”. Uyên Nhi đưa su hào cho khách hàng và nói với giọng điệu nhẹ nhàng, vui vẻ: “Đây! Su hào của bác đây!”. Người đóng vai khách hàng cầm su hào và đi về luôn không trả tiền. Uyên Nhi tỏ ra ngạc nhiên mắt mở to, lông mày rướn lên cao, nói với giọng điệu bất ngờ, nhịp điệu nhanh “O! Cậu phải trả tiền chứ!”

3.4. Nguyên nhân của thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề

Qua quá trình nghiên cứu thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề, chúng tôi đã nhận ra một số nguyên nhân khiến việc sử dụng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ trong trò chơi đóng vai theo chủ đề chưa tốt như sau:

+Về phía giáo viên:

- Do cô chưa thực sự quan tâm và dành nhiều thời gian tới giờ chơi của trẻ, chưa coi trọng hoạt động chơi mà chỉ chú ý đến tiết dạy

- Việc tổ chức chơi cho trẻ chỉ dừng lại với hình thức thực hiện đúng thời gian biểu, thậm chí còn cắt xén thời gian.

- Biện pháp tổ chức và cách hướng dẫn của cô không cụ thể rõ ràng, giáo viên không vận dụng hết sự hiểu biết của mình vào hướng dẫn trẻ chơi.

- Cô còn cho trẻ tự chơi, không khai thác được vốn sống và hiểu biết của trẻ vào trò chơi, chơi dưới sự áp đặt, sắp xếp từ trước của giáo viên.

- Trong quá trình chơi cô chưa động viên khuyến khích trẻ, chưa tạo tình huống để trẻ có thể sử dụng ngôn ngữ thể hiện các xúc cảm – tình cảm của bản thân và khuyến khích trẻ. Kết thúc giờ chơi cô nhận xét hời hợt, chung chung.

- Chưa có sự trao đổi những biểu hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ giữa phụ huynh và giáo viên.

+Về phía trẻ:

- Do trẻ chưa có nề nếp chơi nên chơi vẫn còn hời hợt và tẻ nhạt.

- Trẻ không tạo ra được hoàn cảnh chơi để làm phong phú nội dung chơi, nên trẻ chưa tích cực giao tiếp với nhau, chưa thể hiện hết được các xúc cảm – tình cảm của bản thân, dẫn đến việc trẻ không duy trì được hứng thú trong khi chơi.

- Một số trẻ còn rụt rè, lúng túng, không tự tin khi thể hiện các xúc cảm – tình cảm bằng ngôn ngữ.

KẾT LUẬN

1. Kết luận

Vấn đề ngôn ngữ và vấn đề xúc cảm – tình cảm là hai mặt rất quan trọng trong đời sống tâm lí của mỗi con người.

Ngôn ngữ là điều kiện quyết định và có ảnh hưởng to lớn đến sự hình thành, phát triển các đặc điểm tâm lí khác nhau của cá nhân. Ngôn ngữ là công cụ, phương tiện của tư duy; ngôn ngữ tăng sự sâu sắc cho quá trình cảm giác, tri giác, trí nhớ, tư duy, tưởng tượng, chú ý, hành động, ý chí, cảm xúc... Đối với trẻ em lứa tuổi mẫu giáo, tình cảm thống trị tất cả các mặt trong hoạt động tâm lí của đứa trẻ. Ở lứa tuổi mẫu giáo nhờ thì đời sống tình cảm của đứa trẻ có một bước chuyển biến mạnh mẽ, vừa phong phú vừa sâu sắc hơn lứa tuổi trước đó.

Hiện nay, giáo dục xúc cảm – tình cảm ở các trường mầm non còn là một nội dung mới mẻ. Vấn đề giáo dục trẻ biết cách thể hiện xúc cảm – tình cảm của bản thân bằng ngôn ngữ chưa được quan tâm nhiều. Chủ yếu trẻ vẫn thể hiện xúc cảm – tình cảm của bản thân bằng hành vi (thông qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...) nhiều hơn là thông qua ngôn ngữ nói. Giáo viên chưa thực sự quan tâm tạo điều kiện cho trẻ thể hiện xúc cảm – tình cảm của bản thân bằng ngôn ngữ nói.

Qua bước đầu tìm hiểu thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ mẫu giáo nhờ trong trò chơi đóng vai theo chủ đề tại lớp mẫu giáo nhờ B1 trường Mầm non Sao Mai – Đông Anh – Hà Nội chúng tôi nhận thấy:

Đa số trẻ thể hiện được xúc cảm – tình cảm của mình bằng ngôn ngữ một cách phù hợp với đặc điểm lứa tuổi (67,5 %), một số trẻ thể hiện phù hợp lúc không phù hợp với tình huống, hoàn cảnh (25 %) còn lại là không phù hợp (7,5 %). Ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ giữa các tiêu chí

có sự khác biệt nhưng khác biệt là không lớn. Trẻ nam và trẻ nữ thể hiện xúc cảm – tình cảm bằng ngôn ngữ không có sự khác biệt rõ rệt.

Việc thể hiện xúc cảm – tình cảm có thể thấy ở trẻ mẫu giáo nhờ không chỉ thể hiện qua phản ứng hành vi của trẻ qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ, tư thế... mà còn thể hiện rất rõ qua ngôn ngữ nói. Nhờ ngôn ngữ nói trẻ thể hiện sinh động các sắc thái xúc cảm – tình cảm khác nhau qua ngữ điệu làm cho lời nói mang tính biểu cảm cao.

2. Kiến nghị

Đối với Bộ giáo dục và đào tạo: Cần triển khai có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non trong đó có lĩnh vực phát triển ngôn ngữ là lĩnh vực giáo dục xúc cảm – tình cảm, giáo dục trẻ biết cách thể hiện xúc cảm – tình cảm của bản thân đối với thế giới xung quanh bằng ngôn ngữ nói ở các trường mầm non và có tập huấn chu đáo, cẩn thận cho các giáo viên mầm non, bởi đây là một vấn đề rất quan trọng trong việc giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ mầm non.

Đối với cấp quản lí giáo dục mầm non:

+ Bồi dưỡng kiến thức, tổ chức tập huấn cho các giáo viên mầm non về lĩnh vực phát triển ngôn ngữ, lĩnh vực giáo dục xúc cảm – tình cảm, giáo dục trẻ thể hiện xúc cảm – tình cảm bằng ngôn ngữ nói và vận dụng chúng trong các hoạt động giáo dục và hoạt động vui chơi (trò chơi đóng vai theo chủ đề) ở trường mầm non.

+ Biên soạn tài liệu về vấn đề phát triển ngôn ngữ, phát triển ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm, vấn đề giáo dục trẻ khả năng nhận biết và thể hiện xúc cảm cho trẻ thông qua trò chơi đóng vai theo chủ đề.

Đối với giáo viên mầm non:

+ Tổ chức tốt các nội dung rèn luyện ngôn ngữ cho trẻ để giúp trẻ phát triển ngôn ngữ mạch lạc. Đồng thời tổ chức giáo dục cho trẻ có khả năng

nhận biết và thể hiện các xúc cảm – tình cảm của bản thân và những người xung quanh góp phần phát triển ngôn ngữ mạch lạc ở trẻ.

+ Cần quan tâm đến đời sống tình cảm của trẻ, giúp trẻ tự tin khi thể hiện xúc cảm – tình cảm bằng ngôn ngữ.

+ Thường xuyên cho trẻ thay đổi vai chơi để trẻ có thể trải nghiệm nhiều xúc cảm – tình cảm khác nhau.

+ Tăng cường hoạt động cho trẻ kể chuyện, đóng kịch để phát triển ngôn ngữ mạch lạc và cách thể hiện xúc cảm – tình cảm không chỉ qua nét mặt, điệu bộ mà còn qua ngôn ngữ nói. Hãy tạo điều kiện để trẻ được thể hiện các xúc cảm – tình cảm bằng ngôn ngữ nói và hãy lắng nghe trẻ nói lên những xúc cảm – tình cảm của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Thanh Âm, *Về phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo*, tạp chí nghiên cứu giáo dục số 6, 1992.
2. Phạm Minh Hạc (chủ biên), Nguyễn Kế Hào – Nguyễn Quang Uẩn, *Tâm lí học*, Nhà xuất bản Giáo dục, 1991.
3. Nguyễn Xuân Khoa, *Tiếng Việt*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
4. Nguyễn Xuân Khoa, *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
5. Đinh Hồng Thái, *Giáo trình phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
6. Lê Minh Thuận, *Một số biện pháp giáo dục trẻ 4 – 5 tuổi nhận biết và thể hiện xúc cảm – tình cảm của bản thân qua trò chơi đóng vai theo chủ đề*, Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội, 1989
7. Lê Minh Thuận, *Trò chơi phân vai theo chủ đề và việc hình thành nhân cách trẻ mẫu giáo*”, Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội, 1989
8. Nguyễn Ánh Tuyết (chủ biên), Nguyễn Thị Như Mai – Đinh Thị Kim Thoa, *Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội.
9. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), Nguyễn Văn Lũy – Đinh Văn Vang, *Giáo trình tâm lí học đại cương*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bảng điểm và xếp loại tìm hiểu thực trạng ngôn ngữ thể hiện xúc cảm – tình cảm của trẻ lớp mẫu giáo nhỡ B1 trong trò chơi đóng vai theo chủ đề

STT	Họ và tên	Giới tính	Vốn từ	Ngữ điệu	Tính mạch lạc	Xếp loại
1	Phùng Minh An	Nam	5	15	4	Lúc PH lúc KPH
2	Nguyễn Đức Anh	Nam	8	23	3	PH
3	Nguyễn Lan Anh	Nữ	8	22	5	PH
4	Nguyễn Mai Anh	Nữ	9	25	6	PH
5	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	9	23	5	PH
6	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	3	9	2	KPH
7	Phan Ngọc Anh	Nữ	6	24	5	PH
8	Trần Nhật Quang Anh	Nam	8	24	4	PH
9	Vũ Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	6	24	5	PH
10	Đào Minh Ánh	Nữ	3	9	2	KPH
11	Khuất Duy Bảo	Nam	7	23	5	PH
12	Hoàng Nguyễn Bình Chi	Nữ	5	16	4	Lúc PH lúc KPH
13	Nguyễn Quỳnh Chi	Nữ	7	25	5	PH
14	Hoàng Minh Đạo	Nam	7	17	3	Lúc PH lúc KPH
15	Nguyễn Anh Đức	Nam	7	24	6	PH

16	Nguyễn Trí Dũng	Nam	8	23	6	PH
17	Vương Đức Dũng	Nam	6	20	5	PH
18	Nguyễn Cao Nhật Duy	Nam	5	16	4	Lúc PH lúc KPH
19	Nguyễn Khánh Hà	Nữ	5	18	4	Lúc PH lúc KPH
20	Đặng Bảo Hân	Nữ	5	15	4	Lúc PH lúc KPH
21	Nguyễn Đại Hiệp	Nam	8	25	6	PH
22	Đặng Văn Minh Hiếu	Nam	9	24	5	PH
23	Nguyễn Lan Hương	Nữ	9	27	6	PH
24	Phạm Tấn Khang	Nam	8	24	5	PH
25	Nguyễn Trung Kiên	Nam	7	20	3	PH
26	Ngô Tuệ Linh	Nữ	8	16	4	Lúc PH lúc KPH
27	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	6	20	6	PH
28	Nguyễn Phương Linh	Nữ	8	26	6	PH
29	Phạm Thành Long	Nam	5	17	2	KPH
30	Tô Quang Minh	Nam	8	25	6	PH
31	Thịnh Hoàng Minh	Nam	7	25	6	PH
32	Nguyễn Duy Nam	Nam	3	9	2	KPH
33	Trịnh Kim Ngân	Nữ	8	22	4	PH
34	Lê Như Ngọc	Nữ	8	21	4	PH
35	Lê Uyên Nhi	Nữ	9	26	6	PH
36	Đình Thái Sơn	Nam	7	21	6	PH
37	Nguyễn Minh Thành	Nam	9	27	6	PH

38	Nguyễn Anh Thư	Nữ	6	18	4	Lúc PH lúc KPH
39	Trần Ngọc Minh Thư	Nữ	5	16	4	Lúc PH lúc KPH
40	Nguyễn Thanh Vân	Nữ	8	25	5	PH

PHỤ LỤC 2
BIÊN BẢN QUAN SÁT

BIÊN BẢN QUAN SÁT ĐẶC ĐIỂM NGÔN NGỮ THỂ HIỆN XÚC CẢM – TÌNH CẢM CỦA TRẺ MẪU GIÁO 4
– 5 TUỔI TRONG TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI THEO CHỦ ĐỀ

(Dành cho người nghiên cứu)

Họ và tên trẻ:

Năm sinh:

Giới tính:

Lớp mẫu giáo:

Trường mẫu giáo:

Họ và tên người quan sát:

Thời gian quan sát:

Nội dung quan sát:

Nội dung 1: Vốn từ

Vốn từ								
Số lượng từ thể hiện sắc thái xúc cảm – tình cảm vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên			Lựa chọn và sử dụng từ phù hợp theo mẫu câu tiếng Việt và theo xúc cảm – tình cảm vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên			Sự phong phú cơ cấu thể loại		
Nhiều (3 điểm)	Chưa nhiều (2 điểm)	Ít (1 điểm)	Phù hợp (3 điểm)	Lúc phù hợp lúc không phù hợp (2 điểm)	Không phù hợp (1 điểm)	Phong phú (3 điểm)	Chưa phong phú (2 điểm)	Nghèo nàn (1 điểm)

Nội dung 2: Ngũ điệu

Ngũ điệu																													
Giai điệu																		Tốc độ			Nhịp điệu			Âm sắc					
Vui mừng (Nâng, hạ giọng nói thể hiện sắc thái thích thú, sôi nổi)			Yêu thương (Nâng, hạ giọng nói thể hiện sắc thái mềm mại, êm ái)			Ngạc nhiên (Nâng, hạ giọng nói thể hiện sắc thái bất ngờ, đột ngột)			Tức giận (Nâng, hạ giọng nói thể hiện sắc thái gắt gỏng, cáu bẳn)			Sợ hãi (Nâng, hạ giọng nói thể hiện sắc thái hoảng hốt, lo lắng, khiếp sợ)			Buồn đau (Nâng, hạ giọng nói thể hiện sắc thái u sầu, buồn bã)			(Nhanh, chậm khi thể hiện xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên)			(Sự nhịp nhàng của lời nói, sự tách bạch các từ, các âm tiết khi thể hiện các xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên)			(Âm sắc của lời nói khi thể hiện xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên)					
1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3			

Ghi chú: 1 : Phù hợp (3 điểm)

2: Lúc phù hợp lúc không phù hợp (2 điểm)

3: Không phù hợp (1 điểm)

Nội dung 3: Tính mạch lạc

Tính mạch lạc					
Diễn đạt lời nói thể hiện xúc cảm – tình cảm			Sự liên kết nội dung và liên kết hình thức của lời nói thể hiện xúc cảm – tình cảm		
Diễn đạt lời nói đúng, rõ ràng, ngắt nghỉ đúng chỗ, giọng nói có sắc thái biểu cảm, người nghe dễ nhận ra xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, yêu thương, sợ hãi, ngạc nhiên (3 điểm)	Diễn đạt lời nói đúng, rõ ràng, ngắt nghỉ đúng chỗ (2 điểm)	Diễn đạt lời nói chưa đúng, chưa rõ ràng, khó hiểu (1 điểm)	Sự liên kết nội dung và liên kết hình thức của lời nói phù hợp khi thể hiện xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, sợ hãi, yêu thương, ngạc nhiên (3 điểm)	Sự liên kết nội dung và liên kết hình thức của lời nói lúc phù hợp lúc không phù hợp khi thể hiện xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, sợ hãi, yêu thương, ngạc nhiên (2 điểm)	Sự liên kết nội dung và liên kết hình thức của lời nói không phù hợp khi thể hiện xúc cảm – tình cảm: vui, buồn, tức giận, sợ hãi, yêu thương, ngạc nhiên (1 điểm)

PHỤ LỤC 3

Phiếu điều tra thực trạng việc xây dựng kế hoạch và tổ chức trò chơi ĐVTCD của giáo viên

PHIẾU ĐIỀU TRA

(Dành cho giáo viên)

Họ và tên:

Tuổi:

Trình độ chuyên môn:

Phụ trách lớp:

Trường:

Để nâng cao chất lượng trong chơi ĐVTCD cho trẻ MG.

Xin chị vui lòng cho biết ý kiến của mình về những vấn đề sau bằng cách đánh dấu (X) vào nội dung chị cho là phù hợp:

Câu 1: Theo chị việc lập kế hoạch tổ chức trò chơi ĐVTCD của giáo viên có ảnh hưởng như thế nào đến kết quả chơi của trẻ?

- A. Ảnh hưởng rất lớn đến kết quả chơi của trẻ.
- B. Ảnh hưởng vừa phải đến kết quả chơi của trẻ.
- C. Không ảnh hưởng đến kết quả chơi của trẻ.

Câu 2: Khi tổ chức cho trẻ chơi ĐVTCD chị lập kế hoạch cho trẻ chơi như thế nào?

- A. Chưa bao giờ lập kế hoạch tổ chức, hướng dẫn trẻ chơi.
- B. Có xây dựng kế hoạch nhưng sơ sài và không thường xuyên
- C. Xây dựng kế hoạch chi tiết, đảm bảo chất lượng thực hiện

Câu 3: Việc tích lũy kinh nghiệm của bản thân làm sống lại kinh nghiệm của trẻ trong trò chơi ĐVTCD?

- A. Thường xuyên quan tâm đến việc tích lũy kinh nghiệm, tìm tòi các biện pháp khác nhau.

B. Không thực hiện việc tích lũy kinh nghiệm, tìm tòi các biện pháp khác nhau

C. Việc tích lũy kinh nghiệm của giáo viên không ảnh hưởng tới quá trình chơi của trẻ.

Câu 4: Chị thực hiện biện pháp nào trong những biện pháp sau để tổ chức cho trẻ chơi?

A. Thực hiện không theo một quy trình nào, để trẻ chơi tự do theo ý thích không có định hướng, giáo viên không tham gia.

B. Thực hiện rập khuôn, máy móc theo quy trình đã xây dựng.

C. Thực hiện theo quy trình một cách hợp lí, không rập khuôn, máy móc, tôn trọng tính sáng tạo của trẻ.

Xin chân thành cảm ơn chị đã cho chúng tôi biết ý kiến của mình!

Người khai

(Kí tên)